

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
KHOA CƠ BẢN I
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



BÀI GIẢNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Ts. Phạm Minh Ái
Ths. Phạm Thị Khánh
(Đồng chủ biên)

HÀ NỘI - 2021

**BỘ TRUYỀN THÔNG THÔNG TIN
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
KHOA CƠ BẢN 1**

**TẬP BÀI GIẢNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

Trình độ: Đại học

**Đối tượng: Sinh viên và giảng viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
(2 tín chỉ - 30 tiết)**

HÀ NỘI - 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
LỜI NÓI ĐẦU	3
Chương 1	4
Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	4
1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.....	4
1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học.....	8
1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.....	19
chương 2 sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.....	23
2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa mác - lenin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân	23
2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.....	28
2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân việt nam	30
Chương 3	35
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	35
3.1. Chủ nghĩa xã hội.....	35
3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	45
3.3. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở việt nam	48
Chương 4.....	57
DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	57
4.1. DÂN CHỦ VÀ NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	57
4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa	60
4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở việt nam	62
Chương 5	66
CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	66
5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	66
5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	71
5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở việt nam	74

Chương 6	86
VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ	86
LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	86
6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	86
6.2. Tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	90
6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở việt nam.....	95
Chương 7	98
VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ	
HỘI	98
7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình	98
7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	101
7.3. Xây dựng gia đình việt nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	107

LỜI NÓI ĐẦU

Từ năm học 2020 – 2021 các trường đại học và cao đẳng toàn quốc đều triển khai thực hiện dạy và học Chương trình các môn Lý luận chính trị gồm năm môn học: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhằm mục đích giúp cho sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông có tài liệu để học tập tốt môn *Chủ nghĩa xã hội khoa học* theo chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị theo hướng đào tạo theo tín chỉ theo giáo trình chuẩn do Bộ Giáo dục và đào tạo mới ban hành tháng 6 năm 2021. Tập bài giảng này được biên soạn chủ yếu trên cơ sở Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị xuất bản năm 2021. Tập bài giảng *Chủ nghĩa xã hội khoa học* sẽ giúp cho người học hiểu một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời mở rộng một số nội dung có liên quan. Trên cơ sở đó giúp cho người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình kiên trì, giữ vững định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức biên soạn, song do nhiều lý do chủ quan và khách quan nên tập bài giảng không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, cần được tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa. Rất mong được các đồng nghiệp và sinh viên đóng góp ý kiến để những lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Nhóm tác giả

Chương 1

NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chương 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin, từ đó biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, có niềm tin vào mục tiêu lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

1.1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học

- *Theo nghĩa rộng*, chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải từ góc độ triết học, kinh tế và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Theo nghĩa này, chủ nghĩa xã hội khoa học chính là chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Theo nghĩa hẹp*, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Là sự luận giải từ góc độ chính trị - xã hội về sự chuyển biến của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong khuôn khổ môn học này, chủ nghĩa xã hội khoa học được nghiên cứu theo nghĩa hẹp.

1.1.1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Điều kiện kinh tế - xã hội

- Những năm 40 của thế kỷ XIX, cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ tạo nên nền đại công nghiệp. Sự ra đời hai giai cấp cơ bản đối lập nhau về lợi ích: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân

- Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân (lực lượng sản xuất mang tính xã hội) với giai cấp tư sản (quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa) diễn ra gay gắt.

- Sự phát triển phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách thức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

* *Tiền đề về khoa học tự nhiên*: Ba phát minh “*vạch thời đại*” trong vật lý học và sinh học đó là:

- + Học thuyết tiến hóa
- + Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- + Học thuyết tế bào

Ba phát minh trên là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

* *Tiền đề lý luận*: cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có:

- Triết học cổ điển Đức gắn với tên tuổi của Ph.Hêghen (1770 - 1831) và L.Phoiơbắc (1804 - 1872)
- Kinh tế chính trị học cổ điển Anh với A.Xmít (1723 - 1790) và D.Ricácđô (1772 - 1823)
- Chủ nghĩa không tưởng phê phán mà đại biểu là H.Xanh Ximông (1760 - 1825), S.Phuriê (1772 - 1837) và R.Oen (1771 - 1858).

+ *Ưu điểm*:

Thứ nhất, thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cải khánh kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng;

Thứ hai, đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật; yêu cầu xóa bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ và về vai trò lịch sử của nhà nước....;

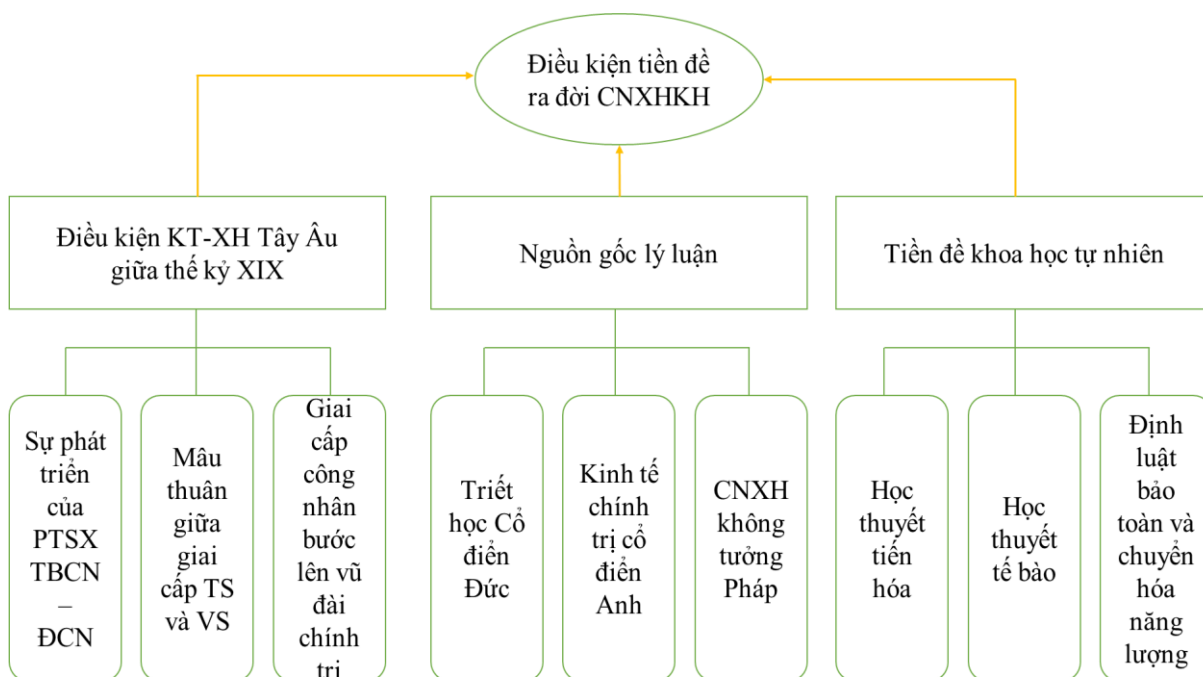
Thứ ba, thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột.

+ *Hạn chế*:

Thứ nhất, không phát hiện ra được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng;

Thứ hai, không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản - giai cấp công

nhân; không chỉ ra được những biện pháp hiện thực cải tạo xã hội áp bức, bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp.



1.1.2. Vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen

Những điều kiện kinh tế - xã hội và những tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận là điều kiện cần cho một học thuyết ra đời, song điều kiện đủ để học thuyết khoa học, cách mạng và sáng tạo ra đời chính là vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen.

C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895) trưởng thành ở Đức, đất nước có nền triết học phát triển rực rỡ với thành tựu nổi bật là chủ nghĩa duy vật của L.Phoiobắc và phép biện chứng của Ph.Hêghen. Bằng trí tuệ uyên bác và sự dấn thân trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động C.Mác và Ph.Ăngghen đến với nhau, đã tiếp thu các giá trị của nền triết học cổ điển, kinh tế chính trị học cổ điển Anh và kho tàng tri thức của nhân loại để các ông trở thành những nhà khoa học thiên tài, những nhà cách mạng vĩ đại nhất thời đại.

a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

Ban đầu, khi bước vào hoạt động khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen là hai thành viên tích cực của câu lạc bộ Hêghen trẻ và chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học của V.Ph.Hêghen và L.Phoiobắc. Với nhãn quan khoa học riêng của mình, các ông đã sớm nhận thấy những mặt tích cực và hạn chế trong triết học của Ph. Hêghen và L. Phoiobắc. Với triết học của Hêghen, tuy mang quan điểm duy tâm, nhưng chứa đựng

“cái hạt nhân” hợp lý của phép biện chứng; còn đối với triết học của L.Phoiobắc, tuy mang nặng quan điểm siêu hình, song nội dung lại thấm nhuần quan niệm duy vật. C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa “cái hạt nhân hợp lý”, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, siêu hình để xây dựng nên lý thuyết mới chủ nghĩa duy vật biện chứng.

	Thế giới quan	Phương pháp luận
Phoiobắc	Duy vật	Siêu hình
Hêghen	Duy tâm (khách quan)	Biện chứng
C.Mác và Ăng ghen	<i>Kế thừa, tiếp thu có chọn lọc, xây dựng nên chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>	

Với C.Mác, tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu (1844)” (từ cuối năm 1843 đến 4/1844), đánh dấu sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Đối với Ph.Ăngghen, với tác phẩm “Tình cảnh nước Anh”; “Lược khảo khoa kinh tế - chính trị” (năm 1843), đánh dấu cho sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Chỉ trong một thời gian ngắn (từ 1843 -1848) vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó, mà nếu không có sự chuyển biến này thì chắc chắn sẽ không có chủ nghĩa xã hội khoa học.

b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

- *Chủ nghĩa duy vật lịch sử*: Bằng phép biện chứng duy vật, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen. Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định sự phát triển lịch sử của xã hội loài người là một quá trình lịch sử tự nhiên, tuân theo quy luật khách quan.

- *Học thuyết về giá trị thặng dư*: Đây là phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen, khẳng định về phương diện kinh tế sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

- *Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân*: Khẳng định sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Với phát kiến thứ này, những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán đã được khắc phục một cách triệt để; đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị- xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo (2/1848), đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là cương lĩnh chính trị, kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người vĩnh viễn thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột giai cấp, bảo đảm cho loài người được thực sự sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và logic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.2.1. C. Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Paris (1871)

Đây là thời kỳ diễn ra rất nhiều các sự kiện của cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848-1852): Quốc tế I thành lập (1864); tập 1 bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867). Về sự ra đời của bộ Tư bản, V.I.Lênin đã khẳng định: "từ khi bộ "Tư bản" ra đời... quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý đã được chứng minh một cách khoa học; và chừng nào chúng ta chưa tìm ra một cách nào khác để giải thích một cách khoa học sự vận hành và phát triển của một hình thái xã hội nào đó - của chính một hình thái xã hội, chứ không phải của

sinh hoạt của một nước hay một dân tộc, hoặc thậm chí của một giai cấp nữa..., thì chừng đó quan niệm duy vật lịch sử vẫn cứ là đồng nghĩa với khoa học xã hội”. Bộ “*Tư bản*” là tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học”¹.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cuộc cách mạng (1848-1852) của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học: Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản; bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng sự kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân; tư tưởng về xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

b. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895 (Ph. Ăngghen qua đời)

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển toàn diện chủ nghĩa xã hội khoa học: Bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan toàn bộ bộ máy nhà nước tư sản nói chung. Đồng thời cũng thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân, rút cuộc, đã tìm ra.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận chứng sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong tác phẩm “*Chống Duyrinh*” (1878), Ph.Ăngghen đã luận chứng sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học và đánh giá công lao của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, Pháp. Sau này, V.I.Lênin, trong tác phẩm “*Làm gì?*” (1902) đã nhận xét: “Chủ nghĩa xã hội lý luận Đức không bao giờ quên rằng nó dựa vào Xanhximông, Phuriê và Ô-oen. Mặc dù các học thuyết của ba nhà tư tưởng này có tính chất ảo tưởng, nhưng họ vẫn thuộc vào hàng ngũ những bậc trí tuệ vĩ đại nhất. Họ đã tiên đoán được một cách thiên tài rất nhiều chân lý mà ngày nay chúng ta đang chứng minh sự đúng đắn của chúng một cách khoa học”.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiệm vụ nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học: “Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.1, tr 226

của chính họ - đó là nhiệm vụ của Chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về lý luận của phong trào vô sản”¹.

C.Mác và Ph.Ăngghen yêu cầu phải tiếp tục bổ sung và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Mặc dù, với những cống hiến cả về lý luận và thực tiễn, song cả C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ tự cho học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, “nhất thành bất biến”, trái lại, nhiều lần hai ông đã chỉ rõ đó chỉ là những “gợi ý” cho mọi suy nghĩ và hành động. Trong Lời nói đầu viết cho tác phẩm Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850 của C.Mác, Ph.Ăngghen đã thẳng thắn thừa nhận sai lầm về dự báo khả năng nổ ra của những cuộc cách mạng vô sản ở châu Âu, vì lẽ “Lịch sử đã chỉ rõ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”². Đây cũng chính là “gợi ý” để V.I.Lênin và các nhà tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân sau này tiếp tục bổ sung và phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Đánh giá về chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin chỉ rõ: “Học thuyết của Mác là học thuyết vận năng vì nó là một học thuyết chính xác”³.

1.2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

V.I.Lênin (1870-1924) là người đã kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen; tiếp tục bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo và hiện thực hóa một cách sinh động lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại mới, “Thời đại tan rã chủ nghĩa tư bản, sự sụp đổ trong nội bộ chủ nghĩa tư bản, thời đại cách mạng cộng sản của giai cấp vô sản”⁴; trong điều kiện chủ nghĩa Mác đã giành ưu thế trong phong trào công nhân quốc tế và trong thời đại Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Nếu như công lao của C.Mác và Ph.Ăngghen là phát triển chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học thì công lao của V.I.Lênin là đã biến chủ nghĩa xã hội từ khoa học, từ lý luận thành hiện thực, được đánh dấu bằng sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nhà nước Xô viết, năm 1917.

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.6, tr 33

² C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.23, tr 50.

³ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.22, tr 761.

⁴ Viện Mác – Lênin: *V.I. Lênin và Quốc tế cộng sản*, Nxb. Sách chính trị, Matxcova, 1970, tr.130.

Những đóng góp to lớn của V.I.Lênin trong sự bảo vệ, vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học có thể khái quát qua hai thời kỳ cơ bản.

a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga

Trên cơ sở phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của thời kỳ trước cách mạng tháng Mười, V.I.Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học trên một số khía cạnh sau.

- Đấu tranh chống các trào lưu phi mác xít (chủ nghĩa dân túy tự do, phái kinh tế, phái mác xít hợp pháp) nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác, mở đường cho chủ nghĩa Mác thâm nhập mạnh mẽ vào Nga;

- Kế thừa những di sản lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen về chính đảng, V.I.Lênin đã xây dựng lý luận về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng;

- Kế thừa, phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã hoàn chỉnh lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa; vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc...

- Phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở những nghiên cứu, phân tích về chủ nghĩa đế quốc, V.I. Lênin phát hiện ra quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và đi đến kết luận: Cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa.

- V.I.Lênin đã dành nhiều tâm huyết luận giải về chuyên chính vô sản, xác định bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản; phân tích mối quan hệ giữa chức năng thống trị và chức năng xã hội của chuyên chính vô sản. Chính V.I.Lênin là người đầu tiên nói đến phạm trù hệ thống chuyên chính vô sản, bao gồm hệ thống của Đảng

Bôn-sê-vic lãnh đạo, Nhà nước Xô viết quản lý và tổ chức công đoàn.

- Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

b. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga

Ngay sau khi cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, V.I.Lênin đã viết nhiều tác phẩm quan trọng bàn về những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới, tiêu biểu là những luận điểm:

- *Chuyên chính vô sản*, theo V.I.Lênin, là một hình thức nhà nước mới - nhà nước dân chủ, dân chủ đối với những người vô sản và nói chung những người không có của và chuyên chính đối với giai cấp tư sản. Cơ sở và nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là sự liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động cũng như các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản là thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Về thời kỳ quá độ chính trị từ chủ nghĩa tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa cộng sản*. Phê phán các quan điểm của kẻ thù xuyên tạc về bản chất của chuyên chính vô sản chung quy chỉ là bạo lực, V.I.Lênin đã chỉ rõ: “chuyên chính vô sản... không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột và cũng không phải chủ yếu là bạo lực... là việc giai cấp công nhân đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản, đây là nguồn sức mạnh, là điều đảm bảo cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản”¹. V.I.Lênin đã nêu rõ: chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và bằng kinh tế, bằng giáo dục và bằng hành chính, chống những thế lực và những tập tục của xã hội cũ.

- *Về chế độ dân chủ*, V.I.Lênin khẳng định: “chỉ có dân chủ tư sản hoặc dân chủ vô sản (dân chủ xã hội chủ nghĩa), không có dân chủ thuần túy hay dân chủ nói chung. Sự khác nhau căn bản giữa hai chế độ dân chủ này là chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền Xô viết so với nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất thì cũng dân chủ hơn gấp triệu lần”².

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.41, tr 34.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.37, tr 312-313.

- Về *cải cách hành chính bộ máy nhà nước* sau khi đã bước vào thời kỳ xây dựng xã hội mới, V.I.Lênin cho rằng, trước hết, phải có một đội ngũ những người cộng sản cách mạng đã được tôi luyện và tiếp sau là phải có bộ máy nhà nước phải tinh, gọn, không hành chính, quan liêu.

- Về *ương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga*, V.I.Lênin đã nhiều lần dự thảo *Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga* và nêu ra nhiều luận điểm khoa học độc đáo: cần có những bước quá độ nhỏ trong thời kỳ quá độ nói chung lên chủ nghĩa xã hội; giữ vững chính quyền Xô Viết thực hiện điện khí hóa toàn quốc; xã hội hóa những tư liệu sản xuất cơ bản theo hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền công nghiệp hiện đại; điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo kinh tế tiểu nông theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; thực hiện cách mạng văn hóa... Bên cạnh đó là việc sử dụng rộng rãi hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước để dần dần cải tiến chế độ sở hữu của các nhà tư bản hạng trung và hạng nhỏ thành sở hữu công cộng. Cải tạo nông nghiệp bằng con đường hợp tác xã theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền công nghiệp hiện đại và điện khí hóa là cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; học chủ nghĩa tư bản về kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý kinh tế, trình độ giáo dục; sử dụng các chuyên gia tư sản; cần phải phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, V.I.Lênin nhấn mạnh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần thiết phải phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

V.I.Lênin đặc biệt coi trọng vấn đề dân tộc trong hoàn cảnh đất nước có rất nhiều tộc người. Ba nguyên tắc cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc: Quyền bình đẳng dân tộc; quyền dân tộc tự quyết và tình đoàn kết của giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc. Giai cấp vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại...

Cùng với những cống hiến hết sức to lớn về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin còn nêu một tấm gương sáng về lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân, với lý tưởng cộng sản do C.Mác, Ph.Ăngghen phát hiện và khởi xướng. Những điều đó đã làm cho V.I.Lênin trở thành một thiên tài khoa học, một lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay

a. Thời kỳ từ 1924 đến trước năm 1991:

Sau khi V.I.Lênin qua đời, đời sống chính trị thế giới chứng kiến nhiều thay đổi.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai do các thế lực đế quốc phản động cực đoan gây ra từ 1939-1945 để lại hậu quả cực kỳ khủng khiếp cho nhân loại.

Trong phe đồng minh chống phát xít, Liên xô góp phần quyết định chấm dứt chiến tranh, cứu nhân loại khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát xít và tạo điều kiện hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, tạo lợi thế so sánh cho lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

J.Xtalin kế tục là người lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản (b) Nga và sau đó là Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời là người ảnh hưởng lớn nhất đối với Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) cho đến năm 1943, khi G.Đi-mi-trốp là Chủ tịch Quốc tế III. Từ năm 1924 đến năm 1953, có thể gọi là “Thời đoạn Xtalin” trực tiếp vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính Xtalin và Đảng Cộng sản Liên Xô đã gắn lý luận và tên tuổi của C.Mác với V.I.Lênin thành “Chủ nghĩa Mác - Lênin”. Trên thực tiễn, trong mấy thập kỷ bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, với những thành quả to lớn và nhanh chóng về nhiều mặt để Liên Xô trở thành một cường quốc Xã hội chủ nghĩa đầu tiên và duy nhất trên toàn cầu, buộc thế giới phải thừa nhận và nể trọng.

Có thể nêu một cách khái quát những nội dung cơ bản phản ánh sự vận dụng, phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ sau Lênin:

- Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Matxcova tháng 11-1957 đã tổng kết và thông qua 9 qui luật chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù, về sau do sự phát triển của tình hình thế giới, những nhận thức đó đã bị lịch sử vượt qua, song đây cũng là sự phát triển và bổ sung nhiều nội dung quan trọng cho chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế cũng họp ở Matxcova vào tháng giêng năm 1960 đã phân tích tình hình quốc tế và những vấn đề cơ bản của thế giới:

- + Đưa ra khái niệm về “thời đại hiện nay”;

- + Xác định nhiệm vụ hàng đầu của các Đảng Cộng sản và công nhân là bảo vệ và củng cố hòa bình ngăn chặn bọn đế quốc hiếu chiến phát động chiến tranh thế giới mới;

- + Tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- + Hội nghị Matxcova thông qua văn kiện: “Những nhiệm vụ đấu tranh chống chủ

nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện tại và sự thống nhất hành động của các Đảng Cộng sản, công nhân và tất cả các lực lượng chống đế quốc”. Hội nghị đã khẳng định: “Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nhằm cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội, đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu của những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người trong thời đại ngày nay”.

Sau Hội nghị Matxcova năm 1960, hoạt động lí luận và thực tiễn của các Đảng Cộng sản và công nhân được tăng cường hơn trước. Tuy nhiên, trong phong trào cộng sản quốc tế, trên những vấn đề cơ bản của cách mạng thế giới vẫn tồn tại những bất đồng và vẫn tiếp tục diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người theo chủ nghĩa Mác - Lênin với những người theo chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều biệt phái.

- Sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa sụp đổ, chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng bước vào giai đoạn với những thử thách nghiêm trọng.
- Ngoài ra, Đảng cộng sản Trung Quốc, Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng cộng sản Cuba và Đảng nhân dân cách mạng Lào cũng có sự bổ sung, phát triển đáng kể vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

b. Từ năm 1991 đến nay

Đến những năm cuối của thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực, phức tạp từ bên trong và bên ngoài, mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa của Liên xô và Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chủ nghĩa xã hội đứng trước một thử thách đòi hỏi phải vượt qua.

Trên phạm vi quốc tế, đã diễn ra nhiều chiến dịch tấn công của các thế lực thù địch, rằng chủ nghĩa xã hội đã cáo chung... Song từ bản chất khoa học, sáng tạo, cách mạng và nhân văn, chủ nghĩa xã hội mang sức sống của qui luật tiến hóa của lịch sử đã và sẽ tiếp tục có bước phát triển mới.

Trên thế giới, sau sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu, chỉ còn một số nước xã hội chủ nghĩa hoặc nước có xu hướng tiếp tục định hướng xã hội chủ nghĩa, do vẫn có một Đảng Cộng sản lãnh đạo. Ở các nước này, lý luận Mác - Lênin nói chung, Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng đã được các Đảng Cộng sản từng bước bổ sung, phát triển phù hợp với bối cảnh mới.

- Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ khi thành lập (01/7/1921), tiến hành cải cách, mở cửa từ Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (1978) đã thu được những thành tựu đáng ghi nhận cả về lý luận và thực tiễn:

+ Đại hội thứ XVI (2002) đã khái quát về quá trình lãnh đạo cách mạng qua ba thời kỳ: cách mạng – xây dựng – cải cách.

+ Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo cải cách, mở cửa “xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”; theo phương châm “cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ và cầm quyền theo pháp luật”; “tất cả vì nhân dân”; “tất cả dựa vào nhân dân”;

+ Đảng cộng sản Trung Quốc lãnh đạo cải cách, mở cửa “xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc” thực hiện 5 nguyên tắc/ 5 kiên trì: 1) Coi phát triển là nhiệm vụ quan trọng số một; 2) Kiên trì thống nhất hữu cơ giữa sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ, dựa vào pháp luật để quản lý đất nước; 3) kiên trì địa vị chỉ đạo của chủ nghĩa Mác trong lĩnh vực hình thái ý thức; 4) Kiên trì phát huy mọi nhân tố tích cực; 5) Kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ.

+ Đại hội lần thứ XIX (2017) với chủ đề: “Quyết thắng xây dựng toàn diện xã hội khá giả, giành thắng lợi vĩ đại chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” đã khẳng định: Xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp vào năm 2050; Nhân dân Trung Quốc sẽ được hưởng sự hạnh phúc và thịnh vượng cao hơn, và dân tộc Trung Quốc sẽ có chỗ đứng cao hơn, vững hơn trên trường quốc tế.

- T
hực ra công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc cũng còn nhiều vấn đề cần trao đổi, bàn cãi. Song, qua 40 năm thực hiện, Trung Quốc đã trở thành nước thứ nhất trên thế giới (vượt Mỹ năm 2021) về kinh tế và nhiều vấn đề, nhất là về lý luận “Một quốc gia, hai chế độ” những thành công của Trung Quốc là đáng ghi nhận, là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI (1986) đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Trên tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ thành công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc mà còn có những đóng góp to lớn vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật của cách mạng Việt Nam, trong điều kiện thời đại ngày nay;

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời đổi mới từng bước về chính trị, đảm bảo giữ vững sự ổn định chính trị, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện gắn phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và xây dựng Đảng là khâu then chốt với phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, tạo ra ba trụ cột cho sự phát triển nhanh và bền vững ở nước ta;

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò kiến tạo, quản lý của Nhà nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Xây dựng phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái;

- Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị, từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân;

- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài, tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội tạo động lực cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ tổ quốc;

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện hội nhập quốc tế; tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước.

Từ thực tiễn 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ

của nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.* Đảng cũng đã rút ra một số bài học lớn, góp phần phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới:

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm "dân là gốc", vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Ngoài những cống hiến về lý luận do Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết, phát triển trong công cuộc cải cách, mở cửa, đổi mới và hội nhập, những đóng góp của Đảng Cộng sản Cu Ba, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng có giá trị tạo nên sự bổ sung, phát triển đáng kể vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin trong thời đại mới.

1.3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mọi khoa học, như Ph. Ăngghen khẳng định, đều có đối tượng nghiên cứu riêng là những quy luật, tính quy luật thuộc khách thể nghiên cứu của nó. Điều đó cũng hoàn toàn đúng với Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học lấy lĩnh vực chính trị - xã hội của đời sống xã hội làm khách thể nghiên cứu.

Cùng một khách thể, có thể có nhiều khoa học nghiên cứu. Lĩnh vực chính trị - xã hội là khách thể nghiên cứu của nhiều khoa học xã hội khác nhau. Sự phân biệt Chủ nghĩa xã hội khoa học với các khoa học chính trị - xã hội trước hết là ở đối tượng nghiên cứu.

Với tư cách là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, học thuyết chính trị - xã hội, trực tiếp nghiên cứu, luận chứng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những điều kiện, những con đường để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Hơn nữa, dựa trên nền tảng lý luận chung và phương pháp luận của Triết học và Kinh tế chính trị học mácxít, Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra những luận cứ chính trị - xã hội rõ ràng, trực tiếp nhất để chứng minh, khẳng định sự thay thế tất yếu của chủ nghĩa tư bản bằng của chủ nghĩa xã hội; khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chỉ ra những con đường, các hình thức và biện pháp để tiến hành cải tạo xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Như vậy, Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự tiếp tục một cách lôgic triết học và kinh tế chính trị học mácxít, là sự biểu hiện trực tiếp mục đích và hiệu lực chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn. Một cách khái quát có thể xem: Nếu như triết học, kinh tế chính trị học mácxít luận giải về phương diện triết học, kinh tế học tính tất yếu, những nguyên nhân khách quan, những điều kiện để thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội, thì chỉ có Chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học đưa ra câu trả lời cho câu hỏi: bằng con đường nào để thực hiện bước chuyển biến đó. Nói cách khác, Chủ nghĩa xã hội là khoa học chỉ ra con đường thực hiện bước chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Như vậy, Chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng giác ngộ và hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình trong ba thời kỳ: Đấu tranh lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền; thiết lập sự thống trị của giai cấp

công nhân, thực hiện sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát triển chủ nghĩa xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa xã hội khoa học có nhiệm vụ cơ bản là luận chứng một cách khoa học tính tất yếu về mặt lịch sử sự thay thế của chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội gắn liền với sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, địa vị, vai trò của quần chúng do giai cấp công nhân lãnh đạo trong cuộc đấu tranh cách mạng thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa xã hội khoa học luận giải một cách khoa học về phương hướng và những nguyên tắc của chiến lược và sách lược; về con đường và các hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân, về vai trò, nguyên tắc tổ chức và hình thức thích hợp hệ thống chính trị của giai cấp công nhân, về những tiền đề, điều kiện của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; về những qui luật, bước đi, hình thức, phương pháp của việc tổ chức xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa; về mối quan hệ gắn bó với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa trong quá trình cách mạng thế giới.

Một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Chủ nghĩa xã hội khoa học là phê phán đấu tranh bác bỏ những trào lưu tư tưởng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận giải trên có thể khái quát, đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học: *những qui luật, tính qui luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin.
- Phương pháp kết hợp logic và lịch sử.
- Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể.
- Phương pháp so sánh.

- Phương pháp nghiên cứu lý luận gắn liền với tổng kết thực tiễn.
- Các phương pháp có tính liên ngành.

1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Về mặt lý luận

+ Trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng xã hội, giải phóng con người...

+ Chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ cải tạo thế giới theo quy luật phù hợp với tiến bộ, văn minh.

+ Góp phần định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

- Về mặt thực tiễn

+ Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hoá, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách cơ bản khoa học cho cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân.

+ Giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy phân tích điều kiện , tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học?
2. Hãy trình bày những đóng góp của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học?
3. Hãy phân tích vai trò của V.I.Lênin trong bảo vệ và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học?
4. Hãy phân tích đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học? So sánh với đối tượng của triết học?
5. Hãy phân tích những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới?

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Sự thất bại, sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu có phải là sự cáo chung của chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới?

Chương 2

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Nội dung chương 2 giúp sinh viên nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân là nội dung chủ yếu, điểm căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, là phạm trù trung tâm, nguyên lý xuất phát của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó cũng là trọng điểm của cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận trong thời đại ngày nay.

2.1. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

a) *Khái niệm giai cấp công nhân*

Khái niệm: Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; Là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

** Giai cấp công nhân trên phương diện kinh tế - xã hội*

- *Thứ nhất*, giai cấp công nhân với phương thức lao động công nghiệp trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao.

- *Thứ hai*, giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Đó là giai cấp của những người lao động không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị chủ tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

- Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hóa ngày càng rộng lớn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

** Giai cấp công nhân trên phương diện chính trị - xã hội*

- *Thứ nhất*, giai cấp công nhân là sản phẩm xã hội của quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là giai cấp của những người lao động không có sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Chính điều này khiến giai cấp công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản.

- *Thứ hai*, mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thể hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn về lợi ích giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Lao động sống của công nhân là nguồn gốc giá trị thặng dư và sự giàu có của giai cấp tư sản cũng chủ yếu nhờ vào việc bóc lột ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư. Mâu thuẫn đó cho thấy tính chất đối kháng không thể điều hòa giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản trong chế độ tư bản chủ nghĩa.

b) Những đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân

- Lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

- Là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Do đó, giai cấp công nhân là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

- Giai cấp công nhân có những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là một giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

Những đặc điểm ấy chính là những phẩm chất cần thiết để giai cấp công nhân có vai trò lãnh đạo cách mạng.

2.1.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Theo chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân là *thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội công sản chủ nghĩa văn minh.*

a. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân qua các giai đoạn

- Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh nhằm thực hiện bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cụ thể:

+ *Về nội dung kinh tế:* Cải tạo quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới - xã hội chủ nghĩa.

+ *Về nội dung chính trị - xã hội:* Lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, từng bước xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

+ *Về nội dung văn hóa, tư tưởng:* Xây dựng nền văn hóa mới, trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân, thay thế hệ tư tưởng chính trị của giai cấp tư sản.

- Trong giai đoạn hiện nay, các nước tư bản chủ nghĩa đang có những bước phát triển mới. Các nước xã hội chủ nghĩa, khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền, đang tiếp tục thực hiện công cuộc cải tạo xã hội cũ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân biểu hiện ở những nội dung khác nhau:

+ Về kinh tế

Ở các nước tư bản chủ nghĩa: Giai cấp công nhân cải tạo quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới - xã hội chủ nghĩa.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa: Giai cấp công nhân tiếp tục củng cố và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

+ Về chính trị

Ở các nước tư bản chủ nghĩa: Mục tiêu đấu tranh trước mắt của giai cấp công nhân là chống bất công và bất bình đẳng xã hội, đòi quyền dân sinh, dân chủ và tiến bộ

xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa: Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân tiếp tục sự nghiệp cải cách, đổi mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, chống sự áp đặt, can thiệp của các nước lớn vì độc lập, chủ quyền quốc gia dân tộc, vì sự tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

+ Về văn hóa, tư tưởng

Đấu tranh ý thức hệ giữa hệ giá trị của giai cấp công nhân với hệ giá trị của giai cấp tư sản. Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc.

b. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Xuất phát từ những tiền đề kinh tế - xã hội của sản xuất mang tính xã hội hóa.
- Là sự nghiệp cách mạng của bản thân giai cấp công nhân cùng với đông đảo quần chúng và mang lại lợi ích cho đa số.
- Không phải là thay thế chế độ sở hữu tư nhân này bằng một chế độ sở hữu tư nhân khác mà là xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
- Việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực thống trị xã hội là tiền đề để cải tạo toàn diện, sâu sắc và triệt để xã hội cũ và xây dựng thành công xã hội mới với mục tiêu cao nhất là giải phóng con người.

2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân

+ Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất của lực lượng sản xuất và là đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, là lực lượng quyết định trong việc phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xây dựng phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

+ Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động cho các nhà tư bản và bị bóc lột giá trị thặng dư nên có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản.

- *Đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân*

Trong tương quan với các lực lượng chính trị của chủ nghĩa tư bản:

- + Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất
- + Giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao
- + Giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để
- + Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế.

Những đặc điểm trên tạo nên bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; sự ra đời và phát triển chính đảng của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản; sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác...

- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

+ Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là tổ chức chính trị cao nhất, là lãnh tụ chính trị, là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động.

+ Quy luật ra đời và phát triển chính đảng của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản: *sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.*

+ Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân có mối quan hệ gắn bó hữu cơ. Trong đó, giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng. Đảng Cộng sản là một tổ chức chính trị và là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân. Đảng Cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội.

+ *Vai trò của Đảng Cộng sản:* Đảng Cộng sản là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:

Thứ nhất, Đảng Cộng sản có trình độ lý luận và tổ chức cao nhất để lãnh đạo giai cấp công nhân và dân tộc.

Thứ hai, Đảng Cộng sản đem lại sự giác ngộ, sức mạnh đoàn kết, nghị lực cách mạng, trí tuệ và hành động cách mạng cho toàn bộ giai cấp công nhân.

Thứ ba, Đảng Cộng sản đề ra mục tiêu, phương hướng, đường lối chính sách đúng đắn, kịp thời, phù hợp với hoàn cảnh đất nước và hoàn cảnh lịch sử.

Thứ tư, Đảng Cộng sản giáo dục, giác ngộ, tổ chức lãnh đạo toàn dân thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Sự liên minh giai cấp giữa giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo là điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

2.2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY

2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay

a) Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX

+ Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại. Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao.

+ Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

+ Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay.

b) Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

+ Xu hướng “trí tuệ hóa” tăng nhanh: Gắn liền với cách mạng và khoa học công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa.

+ Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất.

+ Xu hướng “*trung lưu hóa*” gia tăng: Dưới sự điều chỉnh thích nghi của chủ nghĩa tư bản, một bộ phận giai cấp công nhân đã tham gia vào sở hữu một lượng tư liệu sản xuất của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Nhưng thực chất, những cổ đông lớn vẫn có quyền quyết định với quá trình sản xuất và phân chia lợi nhuận.

+ Giai cấp công nhân vẫn bị bóc lột nặng nề bởi các chủ thể mới trong toàn cầu hóa như các tập đoàn xuyên quốc gia, nhà nước của các nước tư bản phát triển,... Trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nhân hiện đại cũng tăng nhanh về số lượng, thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại. Cơ cấu xã hội, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu thu nhập giữa các bộ phận công nhân rất khác nhau trên phạm vi toàn cầu cũng như mỗi quốc gia.

+ Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo và Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền. Đó là những biến đổi mới của giai cấp công nhân hiện nay so với giai cấp công nhân thế kỉ XIX.

2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

a. Nội dung về kinh tế - xã hội

- Thông qua vai trò của giai cấp công nhân trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo cho phát triển bền vững, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự phát triển xã hội ngày càng thể hiện rõ.

- Mặt khác, mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản cũng ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa hiện nay vẫn mang đậm tính chất tư bản chủ nghĩa với những bất công và bất bình đẳng xã hội lại thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng, đó là từng bước thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong kinh tế - xã hội.

b. Về nội dung chính trị - xã hội

- Ở các nước tư bản chủ nghĩa, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được nêu rõ trong cương lĩnh chính trị của các Đảng Cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa.

- Ở các nước xã hội chủ nghĩa, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền, nội dung chính trị - xã hội của sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

c. Về nội dung văn hóa, tư tưởng

- Cuộc đấu tranh ý thức hệ: đó là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, nhất là trong nền kinh tế thị trường phát triển với những tác động mặt trái của nó.

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, phong trào cách mạng thế giới đang phải vượt qua những thoái trào tạm thời thì niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đứng trước những thử thách càng làm cho cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội trở nên phức tạp và gay gắt hơn.

2.3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

a) Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

+ Ra đời đầu thế kỷ XX, gắn với cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, trong hoàn cảnh một nước thuộc địa, nửa phong kiến.

+ Có tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, đoàn kết.

+ Có nguồn gốc chủ yếu từ nông dân.

+ Gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân lao động, đối kháng trực tiếp với tư bản thực dân Pháp, không đối kháng trực tiếp với tư sản dân tộc, liên minh chặt chẽ với nông dân, trí thức và các tầng lớp lao động khác.

+ Trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị, thống nhất tư tưởng và tổ chức, sớm có Đảng lãnh đạo nên được giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, có tinh thần cách mạng triệt để.

b) Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

+ Tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế. Trong đó, đội ngũ công nhân ở khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Hình thành đội ngũ công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến, lao động chủ yếu ở những ngành kinh tế mũi nhọn. Công nhân Việt Nam ngày càng trẻ hóa, được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, có trình độ học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

Trước yêu cầu của sự phát triển, giai cấp công nhân nước ta còn nhiều hạn chế, bất cập. Sự phát triển của giai cấp công nhân chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; thiếu nghiêm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động vẫn còn nhiều hạn chế. Trình độ văn hóa và tay nghề của công nhân còn thấp. Nguồn lực lao động qua đào tạo của nước ta vừa thiếu lại vừa thừa do mất cân đối trong cơ cấu lao động qua đào tạo.

Trong môi trường kinh tế - xã hội đổi mới, trong đà phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ 4, giai cấp công nhân Việt Nam đứng trước thời cơ phát triển và những thách thức nguy cơ trong phát triển.

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay cần xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, nâng cao bản lĩnh chính. Phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh. Đó là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở Việt Nam.

2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

Giai cấp công nhân Việt Nam đã thực hiện sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lao động giành độc lập dân tộc, lật đổ chế độ phong kiến, giành chính quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Biểu hiện của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay:

a) Về kinh tế

- Giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân có điều kiện khách quan thuận lợi để phát triển cả về số lượng và chất lượng.

- Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên lĩnh vực kinh tế gắn liền với việc phát huy vai trò giai cấp công nhân trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả khối liên minh công – nông – trí thức ở nước ta.

b) Về chính trị - xã hội

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản củng cố và hoàn thiện hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b) Về văn hóa - tư tưởng

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại những quan điểm sai trái, sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

a) Phương hướng

- Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân.

- Bảo đảm việc làm, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân.

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

b) Một số giải pháp chủ yếu

- Nâng cao nhận thức, kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược.

- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy nêu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân?

2. Trình bày những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

3. Phân tích vai trò của Đảng Cộng sản đối với quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

4. Hãy phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thế giới hiện nay?

5. Hãy phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

6. Nêu phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam?

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Vì sao trong thời đại hiện nay, khi nói đến giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó, chúng ta thường nhấn mạnh vào “giai cấp công nhân hiện đại”, “công nhân trí thức”?

2. Phân tích luận điểm sau: “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng”?

3. Hãy làm rõ những ưu điểm và hạn chế của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

4. Sinh viên học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cần phải làm gì để góp phần vào việc phát triển giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

Chương 3

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nội dung chương 3 giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản những quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam, biết vận dụng những tri thức đã học vào việc phân tích những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

3.1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận trên một số góc độ:

Một là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị;

Hai là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công;

Ba là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;

Bốn là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

3.1.1. Chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, C.Mác Ph.Ăngghen khi nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội loài người, nhất là lịch sử xã hội tư bản đã xây dựng nên học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội. Học thuyết vạch rõ những qui luật cơ bản của vận động xã hội, chỉ ra phương pháp khoa học để giải thích lịch sử. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác không chỉ làm rõ những yếu tố cấu thành hình thái kinh tế - xã hội mà còn xem xét xã hội trong quá trình biến đổi và phát triển không ngừng.

Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội do C.Mác và Ph.Ăngghen khởi xướng được V.I.Lênin bổ sung, phát triển và hiện thực hoá trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô Viết trở thành học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác- Lênin, tài sản vô giá của nhân loại.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra tính tất yếu sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó là quá trình lịch sử tự nhiên. Sự thay thế này được thực

hiện thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã cung cấp những tiêu chuẩn thực sự duy vật, khoa học cho sự phân kỳ lịch sử, trong đó có sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Khi phân tích hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng:

- + Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp và giai đoạn cao;

- + Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản. Trong tác phẩm “Phê phán cương lĩnh Gôta” (1875) C.Mác đã cho rằng: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”¹. Khẳng định quan điểm của C.Mác, V.I. Lênin cho rằng: “về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định”².

- + Về xã hội của thời kỳ quá độ, C.Mác cho rằng đó là xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội chưa phát triển trên cơ sở của chính nó còn mang nhiều dấu vết của xã hội cũ để lại: “Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra”³.

Sau này, từ thực tiễn nước Nga, V. I Lênin cho rằng, đối với những nước chưa có chủ nghĩa tư bản phát triển cao “cần phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”⁴.

Vậy là, về mặt lý luận và thực tiễn, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, được hiểu theo hai nghĩa:

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.19, tr 47.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.39, tr 309.

³ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.19, tr 33.

⁴ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.38, tr 646.

Thứ nhất, đối với các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, cần thiết phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội - những cơn đau đẻ kéo dài¹;

Thứ hai, đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

Bằng lý luận hình thái kinh tế - xã hội, C. Mác đã đi sâu phân tích, tìm ra qui luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, từ đó cho phép ông dự báo khoa học về sự ra đời và tương lai của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. V.I Lênin cho rằng: C. Mác xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản hình thành từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên từ chủ nghĩa tư bản là kết quả tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản sinh ra - giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội theo Chủ nghĩa Mác - Lênin có hai điều kiện chủ yếu sau đây:

a. Điều kiện kinh tế

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã thừa nhận vai trò to lớn của chủ nghĩa tư bản khi khẳng định:

Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển mới của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất, biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí (Cách mạng công nghiệp lần thứ 2), chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất. Trong vòng chưa đầy một thế kỷ, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra được một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất mà nhân loại tạo ra đến lúc đó.

Tuy nhiên, các ông cũng chỉ ra rằng, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích của lực lượng sản xuất.

b. Điều kiện chính trị - xã hội

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.3, tr 223.

Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ đầu và ngày càng trở nên gay gắt và có tính chính trị rõ nét. C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ sản xuất ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng”¹.

Hơn nữa, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí là sự trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân, con đẻ của nền đại công nghiệp. Chính sự phát triển về lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân là tiền đề kinh tế - xã hội dẫn tới sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản. Diễn đạt tư tưởng đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, “giai cấp tư sản không chỉ tạo vũ khí sẽ giết mình mà còn tạo ra những người sử dụng vũ khí đó, những công nhân hiện đại, những người vô sản”². Sự trưởng thành vượt bậc và thực sự của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sự ra đời của đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, do khác về bản chất với tất cả các hình thái kinh tế - xã hội trước đó, nên hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không tự nhiên ra đời, trái lại, nó chỉ được hình thành thông qua cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản, thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Cách mạng vô sản là cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trên thực tế được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng nhằm lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, cách mạng vô sản, về mặt lý

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr 15.

² C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr 605.

thuyết cũng có thể được tiến hành bằng con đường hòa bình, nhưng vô cùng hiếm, qui và trên thực tế chưa xảy ra.

Do tính sâu sắc và triệt để của nó, cách mạng vô sản chỉ có thể thành công, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ có thể được thiết lập và phát triển trên cơ sở của chính nó, một khi tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân được khơi dậy và phát huy trong liên minh với các giai cấp và tầng lớp những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

Khi nghiên cứu về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học rất quan tâm dự báo những đặc trưng của từng giai đoạn, đặc biệt là giai đoạn đầu (giai đoạn thấp) của xã hội cộng sản nhằm định hướng phát triển cho phong trào công nhân quốc tế. Những đặc trưng cơ bản của giai đoạn đầu, phản ánh bản chất và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội từng bước được bộc lộ đầy đủ cùng với quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào những dự báo của C.Mác và Ph.Ăngghen và những quan điểm của V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô - Viết, có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau:

- *Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.*

Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, khi dự báo về xã hội tương lai, xã hội cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Thay cho xã hội tư bản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người”¹; khi đó “con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình, thì cũng do đó làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình trở thành người tự do”². Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đương nhiên, để đạt được mục tiêu tổng quát đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiến hành triệt để, trước hết là giải phóng giai cấp, xóa bỏ tình trạng giai cấp này

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.39, tr 258.

² C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t4, tr 233.

bóc lột, áp bức giai cấp kia, và một khi tình trạng người áp bức, bóc lột người bị xóa bỏ thì tình trạng dân tộc này đi bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ”¹.

V.I.Lênin, trong điều kiện mới của đời sống chính trị - xã hội thế giới đầu thế kỷ XX, đồng thời từ thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô Viết đã cho rằng, mục đích cao nhất, cuối cùng của những cải tạo xã hội chủ nghĩa là thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu: “khi bắt đầu những cải tạo xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải đặt rõ cái mục đích mà những cải tạo xã hội chủ nghĩa đó rút cục nhắm tới, cụ thể là thiết lập một xã hội cộng sản chủ nghĩa, một xã hội không chỉ hạn chế ở việc tước đoạt các công xưởng, nhà máy, ruộng đất và tư liệu sản xuất, không chỉ hạn chế ở việc kiểm kê, kiểm soát một cách chặt chẽ việc sản xuất và phân phối sản phẩm, mà còn đi xa hơn nữa, đi tới việc thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Vì thế cái tên gọi “Đảng Cộng sản là duy nhất chính xác về mặt khoa học”². V.I.Lênin cũng khẳng định mục đích cao cả của chủ nghĩa xã hội cần đạt đến là xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng người bóc lột người. V.I.Lênin còn chỉ rõ trong quá trình phấn đấu để đạt mục đích cao cả đó, giai cấp công nhân, chính Đảng Cộng sản phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ của các giai đoạn khác nhau, trong đó có mục đích, nhiệm vụ cụ thể của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội - tạo ra các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần để thiết lập xã hội cộng sản.

- Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ.

Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội vì con người và do con người; nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ chính trị dân chủ, nhà nước xã hội chủ nghĩa với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức ngày càng hoàn thiện sẽ quản lý xã hội ngày càng hiệu quả. C.Mác và Ăngghen đã chỉ rõ: “... bước thứ nhất trong cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị là giành lấy dân chủ”. V.I.Lênin từ từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô Viết đã cho chính quyền Xô Viết là một kiểu Nhà nước chuyên chính vô sản,

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr 624.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.36, tr 56.

một chế độ dân chủ ưu việt gấp triệu lần so với chế độ dân chủ tư sản: “Chế độ dân chủ vô sản so với bất kỳ chế độ dân chủ tư sản nào cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền Xô Viết so với nước cộng hòa dân chủ nhất thì cũng gấp triệu lần”¹.

- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa xã hội là xã hội có nền kinh tế phát triển cao. Với lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động. V.I. Lênin cho rằng: “từ chủ nghĩa tư bản, nhân loại chỉ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, nghĩa là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất và chế độ phân phối theo lao động của mỗi người”².

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội, theo Ph. Ăngghen không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu. Trả lời câu hỏi: Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Ph. Ăngghen dứt khoát cho rằng: “Không, không thể được cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng nền kinh tế công hữu. Cho nên cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nê ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên một khối lượng tư liệu cần thiết cho việc cải tạo đó là khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu”³.

Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm., nghĩa là phải tạo ra quan hệ sản xuất tiên bộ, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. V.I. Lênin cho rằng: “thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó (và nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn”⁴.

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.37, tr 312-313.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.31, tr 220.

³ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr 469.

⁴ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.36, tr 228-229.

Đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội, để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, V.I.Lênin chỉ rõ tất yếu phải “bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc” xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước: “Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹, “dưới chính quyền xô - viết thì chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ có thể là 3/4 chủ nghĩa xã hội”². Đồng thời, V.I.Lênin chỉ rõ, những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội cần thiết phải học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển theo cách thức: “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền xô-viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các tơ-rót ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. ++ = (tổng số) = chủ nghĩa xã hội”³.

- Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Theo V.I.Lênin, chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản. Chính quyền đó chính là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân, thực chất của sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Nhà nước vô sản, theo V.I.Lênin phải là một công cụ, một phương tiện; đồng thời, là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động, phản ánh trình độ nhân dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước, quần chúng nhân dân thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý. Cũng theo V.I.Lênin, Nhà nước xô - viết sẽ tập hợp, lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, tổ chức đời sống xã hội vì con người và cho con người. Nhà nước chuyên chính vô sản đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ - lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.44, tr 189.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.36, tr 313.

³ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.36, tr 684.

không phải cho bọn nhà giàu - chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư bản.

- *Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại.*

Tính ưu việt, sự ổn định và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa không chỉ thể hiện ở lĩnh vực kinh tế, chính trị mà còn ở lĩnh vực văn hóa - tinh thần của xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế; văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người chân, thiện mỹ.

V.I.Lênin, trong quá trình xây dựng, chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô - Viết đã luận giải sâu sắc về “văn hóa vô sản” - nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, rằng, chỉ có xây dựng được nền văn hóa vô sản mới giải quyết được mọi vấn đề từ kinh tế, chính trị đến xã hội, con người. Người khẳng định: “... nếu không hiểu rõ rằng chỉ có sự hiểu biết chính xác về nền văn hóa được sáng tạo ra trong toàn bộ quá trình phát triển của loài người và việc cải tạo nền văn hóa đó mới có thể xây dựng được nền văn hóa vô sản thì chúng ta không giải quyết được vấn đề”¹. Đồng thời, V.I.Lênin cũng cho rằng, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản sẽ làm giàu trí thức của mình bằng tổng hợp các tri thức, văn hóa mà loài người đã tạo ra: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra”². Do vậy, quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phải biết kế thừa những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại, đồng thời, cần chống tư tưởng, văn hóa phi vô sản, trái với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- *Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.*

Vấn đề giai cấp và dân tộc, xây dựng một cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển của mỗi dân tộc và mỗi quốc gia. Theo quan điểm của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, vấn đề

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.41, tr 361.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.41, tr 362.

giai cấp và dân tộc có quan hệ biện chứng. Bởi vậy, giải quyết vấn đề dân tộc, giai cấp trong chủ nghĩa xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng và phải tuân thủ nguyên tắc: “xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ”¹. Phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, trong điều kiện cụ thể ở nước Nga, V.I.Lênin, trong Cương lĩnh về vấn đề dân tộc trong chủ nghĩa xã hội đã chỉ ra những nội dung có tính nguyên tắc để giải quyết vấn đề dân tộc: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại. Đó là Cương lĩnh dân tộc mà chủ nghĩa Mác, kinh nghiệm toàn thế giới và kinh nghiệm của nước Nga dạy cho công nhân”².

Giải quyết vấn đề dân tộc theo Cương lĩnh của V.I.Lênin, trong chủ nghĩa xã hội, cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết và hợp tác trên cơ sở cơ sở chính trị - pháp lý, đặc biệt là cơ sở kinh tế - xã hội và văn hóa sẽ từng bước xây dựng củng cố và phát triển. Đây là sự khác biệt căn bản về việc giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và quan điểm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi hoặc chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. V.I.Lênin khẳng định: “... chỉ có chế độ xô - viết là chế độ có thể thật sự đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bằng cách thực hiện trước hết sự đoàn kết tất cả những người vô sản, rồi đến toàn thể quần chúng lao động, trong việc đấu tranh chống giai cấp tư sản”³.

Chủ nghĩa xã hội, với bản chất tốt đẹp do con người, vì con người luôn là bảo đảm cho các dân tộc bình đẳng, đoàn kết và hợp tác hữu nghị; đồng thời có quan hệ với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Tất nhiên, để xây dựng cộng đồng bình đẳng, đoàn kết và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, điều kiện chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, theo V.I.Lênin cần thiết phải có sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới: “Không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được”⁴. Trong “Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” văn kiện về giải quyết vấn đề dân tộc trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản,

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr 624.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.25, tr 375.

³ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.41, tr 202.

⁴ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.41, tr 206.

V.I.Lênin chỉ rõ: “Trọng tâm trong toàn bộ chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là cần phải đưa giai cấp vô sản và quần chúng lao động tất cả các dân tộc và các nước lại gần nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng chung để lật đổ địa chủ và tư sản. Bởi vì, chỉ có sự gắn bó như thế mới bảo đảm cho thắng lợi đối với chủ nghĩa tư bản, không có thắng lợi đó thì không thể tiêu diệt được ách áp bức dân tộc và sự bất bình đẳng”¹. Đó cũng là cơ sở để Người đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”.

Bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, chủ nghĩa xã hội mở rộng được ảnh hưởng và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

3.2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.2.1. Tính tất yếu khác quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ: lịch sử xã hội đã trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. So với các hình thái kinh tế xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do... Bởi vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị.

+ C.Mác khẳng định: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”².

+ V.I.Lênin trong điều kiện nước Nga Xô - Viết cũng khẳng định: “về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định”³.

Mong muốn có ngay một chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa tốt đẹp để thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa bất công, tàn ác là những điều tốt đẹp, là khát vọng chính đáng;

¹ Viện Mác – Lênin: V.I. Lênin và Quốc tế cộng sản, Nxb. Sách chính trị, Matxcova, 1970, tr.199.

² C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.19, tr 47.

³ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.39, tr 309.

song theo các nhà kinh điển, điều mong ước ấy không thể có cánh với phép màu “cầu được ước thấy”; giai cấp vô sản cần phải có thời gian để cải tạo xã hội cũ do giai cấp bóc lột dựng nên và xây dựng trên nền móng ấy lâu dài của chủ nghĩa xã hội. Khẳng định tính tất yếu của thời kỳ quá độ, đồng thời các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng phân biệt có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản:

+ *Quá độ trực tiếp* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Cho đến nay thời kỳ quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa từng diễn ra;

+ *Quá độ gián tiếp* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay, theo đúng lý luận Mác - Lênin, đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

Xuất phát từ quan điểm cho rằng: chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần sáng tạo ra, không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải tuân theo mà là kết quả của phong trào hiện thực, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cho rằng: Các nước lạc hậu với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng có thể rút ngắn được quá trình phát triển: “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng, các dân tộc lạc hậu có thể rút ngắn khá nhiều quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và tránh được phần lớn những đau khổ và phần lớn các cuộc đấu tranh mà chúng ta bắt buộc phải trải qua ở Tây Âu”¹. C.Mác, khi tìm hiểu về nước Nga cũng chỉ rõ: “Nước Nga... có thể không cần trải qua đau khổ của chế độ (chế độ tư bản chủ nghĩa - TG) mà vẫn chiếm đoạt được mọi thành quả của chế độ ấy”².

Vận dụng và phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong điều kiện mới, sau cách mạng tháng Mười, V.I.Lênin khẳng định: “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô - viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (hiểu theo nghĩa con đường rút ngắn - TG)”³.

Quán triệt và vận dụng, phát triển sáng tạo những lý của chủ nghĩa Mác- Lênin, trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta có thể khẳng định: Với lợi thế của thời đại, trong bối

¹ Từ điển chủ nghĩa cộng sản khoa học, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 55.

² C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.22, tr 636.

³ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.41, tr 295.

cánh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, các nước lạc hậu, sau khi giành được chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội *là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa.*

Xã hội của thời kỳ quá độ là xã hội có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần của chủ nghĩa tư bản và những yếu tố mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội mới phát sinh chưa phải là chủ nghĩa xã hội đã phát triển trên cơ sở của chính nó.

Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội.

Đó là thời kỳ lâu dài, gian khổ bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Có thể khái quát những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như sau:

- Trên lĩnh vực kinh tế

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện kinh tế, tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập. Đề cập tới đặc trưng này, V.I.Lênin cho rằng: “Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng thừa nhận là có. Song không phải mỗi người thừa nhận điểm ấy đều suy nghĩ xem các thành phần của kết cấu kinh tế - xã hội khác nhau hiện có ở Nga, chính là như thế nào? Mà tất cả then chốt của vấn đề lại chính là ở đó”¹. Tương ứng với nước Nga, V.I.Lênin cho rằng thời kỳ quá độ tồn tại 5 thành phần kinh tế: Kinh tế gia trưởng; kinh tế hàng hóa nhỏ; kinh tế tư bản; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế xã hội chủ nghĩa.

- Trên lĩnh vực chính trị

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.36, tr 362.

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội về phương diện chính trị, là việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất của nó là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Đây là sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân; là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản đã chiến thắng nhưng chưa phải đã toàn thắng với giai cấp tư sản đã thất bại nhưng chưa phải thất bại hoàn toàn. Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới - giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền, với nội dung mới - xây dựng toàn diện xã hội mới, trọng tâm là xây dựng nhà nước có tính kinh tế, và hình thức mới - cơ bản là hòa bình tổ chức xây dựng.

- Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

- Trên lĩnh vực xã hội

Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần qui định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội. Các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Bởi vậy, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện xã hội là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bóc lột, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

3.3. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

3.3.1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa thuận lợi vừa khó khăn đan xen, có những đặc trưng cơ bản:

- Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỷ, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt.

- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, song theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng, khoa học, phản ánh đúng qui luật phát triển khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay. Cương lĩnh năm 1930 của Đảng đã chỉ rõ: Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội¹. Đây là sự lựa chọn dứt khoát và đúng đắn của Đảng, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của dân tộc, nhân dân, phản ánh xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với quan điểm khoa học, cách mạng và sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, như Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.2, tr 93-94.

Đây là tư tưởng mới, phản ánh nhận thức mới, tư duy mới của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng này cần được hiểu đầy đủ với những nội dung sau đây:

Thứ nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là trong thời kỳ quá độ còn nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, song sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không chiếm vai trò chủ đạo; thời kỳ quá độ còn nhiều hình thức phân phối, ngoài phân phối theo lao động vẫn là chủ đạo còn phân phối theo mức độ đóng góp và quỹ phúc lợi xã hội; thời kỳ quá độ vẫn còn quan hệ bóc lột và bị bóc lột, song quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa không giữ vai trò thống trị.

Thứ ba, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý để phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

Thứ tư, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

3.3.2. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

a. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng rõ. Đại hội IV (1976), nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của cách mạng nước ta mới dừng ở mức độ định hướng: Trên cơ sở phương hướng đúng, hãy hành động thực tế cho câu trả lời.

Đến Đại hội VII, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa đã sáng tỏ hơn, không chỉ dừng ở nhận thức định hướng, định tính mà từng bước đạt tới trình độ định hình, định lượng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với *sáu đặc trưng*¹. Đến Đại hội XI, trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường; đi lên chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với *tám đặc trưng*², trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
- Do nhân dân làm chủ;
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp;
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

b. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở *bảy phương hướng* cơ bản phản ánh con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991); xác định rõ mục tiêu, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, những nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tại Đại hội XI, Đảng ta xác định *8 phương hướng* đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.51, tr 134.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.68.

mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn, đó là:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường;

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế;

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất;

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng yêu cầu phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt *tám mối quan hệ lớn*¹: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

Thực hiện *tám phương hướng* và giải quyết thành công những *mối quan hệ lớn* chính là đưa cách mạng nước ta theo đúng con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Tổng kết 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.72-73.

nghĩa. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với các mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, thu nhập trung bình thấp.
- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.
- Đến giữa năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt *12 định hướng* phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, như sau:

(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường...; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn nhân lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số

(3) Định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ: Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện Định hướng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần

thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

(4) Định hướng phát triển con người và xây dựng nền văn hóa: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

(5) Định hướng về quản lý phát triển xã hội: Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

(6) Định hướng về thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường: Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

(7) Định hướng về bảo vệ Tổ quốc: Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những nhân tố bất lợi, nhất là những nhân tố có thể

gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

(8) Định hướng về đối ngoại: Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

(9) Định hướng về đại đoàn kết toàn dân tộc: Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

(10) Định hướng về xây dựng Nhà nước: Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

(11) Định hướng về xây dựng Đảng: Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật và dân vận của Đảng.

(12) Về các mối quan hệ lớn: Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội¹.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội?
2. Phân tích tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa? Liên hệ Việt Nam.
3. Phân tích luận điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Làm thế nào để giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa: độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?
2. Làm thế nào để đảm bảo tăng trưởng kinh tế vẫn đảm bảo phát triển văn hóa, tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay?
3. Phân tích những thuận lợi và khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.i, tr.114-120.

Chương 4

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nội dung chương 4 giúp sinh viên nắm được bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng, có thể vận dụng tri thức đã học vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan đến xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó, có niềm tin với bản chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa; phê phán những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

4.1. DÂN CHỦ VÀ NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

a. Quan niệm về dân chủ

- Theo nghĩa gốc: Dân chủ xuất phát từ chữ Hy Lạp “*Demokratos*”, có nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân (hay nhân dân là chủ thể quyền lực).

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin dân chủ có một số nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, dân chủ là sản phẩm tiến hóa của lịch sử xã hội, là nhu cầu khách quan của con người. Với tư cách là quyền lực của nhân dân, dân chủ là hệ giá trị phản ánh trình độ phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình đấu tranh lâu dài giải phóng xã hội, chống lại áp bức, bóc lột và nô dịch để tiến tới tự do, bình đẳng. Theo V.I.Lênin, dân chủ là bình đẳng, là xóa bỏ phân chia giai cấp.

Thứ hai, trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị, dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ. Trong xã hội có giai cấp, việc thực hiện dân chủ cho tập đoàn người này đã lợi trừ hay hạn chế dân chủ của tập đoàn người khác. Theo nghĩa này, dân chủ gắn với một kiểu nhà nước và một giai cấp cầm quyền thì sẽ không có “dân chủ phi giai cấp”, mỗi chế độ dân chủ gắn với nhà nước đều mang bản chất của giai cấp thống trị.

Thứ ba, trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc - nguyên tắc dân chủ. Nguyên tắc này kết hợp với nguyên tắc tập trung để hình thành nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và quản lý xã hội.

- Theo Hồ Chí Minh:

+ Dân chủ là một giá trị nhân loại chung; Dân chủ là dân *là* chủ và dân *làm* chủ.

+ Dân chủ là một thể chế chính trị, một chế độ xã hội.

Như vậy, *dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một phạm trù chính trị gắn với các hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; là một phạm trù lịch sử gắn với quá trình ra đời, phát triển của lịch sử xã hội nhân loại.*

b. Sự ra đời, phát triển của dân chủ

- Trong chế độ cộng sản nguyên thủy: Dân chủ sơ khai “*dân chủ nguyên thủy*”, “*dân chủ quân sự*”. Đặc trưng cơ bản của hình thức dân chủ này là nhân dân bầu ra thủ lĩnh quân sự thông qua “Đại hội nhân dân”.

- Trong chế độ chiếm hữu nô lệ: khi trình độ của lực lượng sản xuất phát triển, sự ra đời chế độ tư hữu, nền dân chủ chủ nô ra đời. Nền dân chủ chủ nô được tổ chức thành nhà nước với đặc trưng là dân tham gia bầu ra Nhà nước. Tuy nhiên, “Dân là ai?”, theo quy định của giai cấp cầm quyền chỉ gồm giai cấp chủ nô và phần nào thuộc về các công dân tự do (tăng lữ, thương gia và một số trí thức). Đa số còn lại không phải là “dân” mà là “nô lệ”. Họ không được tham gia vào công việc nhà nước. Như vậy, về thực chất, dân chủ chủ nô cũng chỉ thực hiện dân chủ cho thiểu số, quyền lực của dân đã bó hẹp nhằm duy trì, bảo vệ, thực hiện lợi ích của “dân” mà thôi.

- Trong chế độ phong kiến: lịch sử xã hội loài người bước vào thời kỳ đen tối với sự thống trị của nhà nước chuyên chế phong kiến, chế độ dân chủ chủ nô đã bị xóa bỏ và thay vào đó là chế độ độc tài chuyên chế phong kiến.

- Trong chế độ tư bản chủ nghĩa: Dân chủ tư sản ra đời là một bước tiến lớn của nhân loại với những giá trị nổi bật về quyền tự do, bình đẳng, dân chủ. Tuy nhiên, do được xây dựng trên nền tảng kinh tế là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, nên trên thực tế, nền dân chủ tư sản vẫn là nền dân chủ của thiểu số những người nắm giữ tư liệu sản xuất đối với đại đa số nhân dân lao động.

- Khi cách mạng Tháng Mười Nga (1917) thắng lợi: xuất hiện nền dân chủ vô sản (dân chủ xã hội chủ nghĩa) dành cho đại đa số nhân dân. Đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực hiện quyền lực của nhân dân - tức là xây dựng nhà nước dân chủ thực sự, dân làm chủ nhà nước và xã hội, bảo vệ quyền lợi cho đại đa số nhân dân.

- Với tư cách là một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị thì trong lịch sử nhân loại, cho đến nay có ba nền (chế độ) dân chủ:

- + *Nền dân chủ chủ nô*, gắn với chế độ chiếm hữu nô lệ.
- + *Nền dân chủ tư sản*, gắn với chế độ tư bản chủ nghĩa.
- + *Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (dân chủ vô sản)*, gắn với chế độ xã hội chủ nghĩa.

4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là *nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.*

a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Paris năm 1871, tuy nhiên, chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (1917), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chính thức được xác lập. Sự ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước phát triển mới về chất của dân chủ.

- Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện; có sự kế thừa một cách chọn lọc giá trị của nền dân chủ trước đó, trước hết là nền dân chủ tư sản.

- Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho những người lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

Dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa...

**** Bản chất chính trị***

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

**** Bản chất kinh tế***

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa

trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

** Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội*

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng.

- Kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần; được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện để phát triển cá nhân.

** So sánh sự khác nhau giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa với dân chủ tư sản.*

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	DÂN CHỦ TƯ SẢN
+ Dành cho đại đa số nhân dân lao động, phục vụ lợi ích cho đại đa số.	+ Dành cho thiểu số, phục vụ lợi ích cho thiểu số.
+ Mang bản chất của giai cấp công nhân phục vụ lợi ích cho đại đa số nhân dân lao động.	+ Mang bản chất của giai cấp tư sản, lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản đối lập với lợi ích giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
+ Do Đảng Cộng sản lãnh đạo, thực hiện nhất nguyên về chính trị.	+ Do các đảng của giai cấp tư sản lãnh đạo và thực hiện đa nguyên về chính trị.
+ Được thực hiện thông qua Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (nhà nước của dân, do dân, vì dân).	+ Được thực hiện thông qua nhà nước pháp quyền tư sản (nhà nước của giai cấp tư sản).
+ Được thực hiện trên cơ sở kinh tế là công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.	+ Được thực hiện trên cơ sở kinh tế là tư hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

4.2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

4.2. 1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân lao động muốn thoát khỏi sự áp bức, bất công, ước mơ xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và những giá trị của con người được tôn trọng, bảo vệ và có điều kiện để phát triển tự do tất cả năng lực của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, tùy vào đặc điểm và điều kiện của mỗi quốc gia, sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như việc tổ chức chính quyền sau cách mạng có những đặc điểm, hình thức và phương pháp phù hợp.

b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- *Về chính trị*: Nhà nước xã hội chủ nghĩa (nhà nước chuyên chính vô sản) mang bản chất của giai cấp công nhân, có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

- *Về kinh tế*: Nhà nước xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

- *Về văn hóa, xã hội*: Nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc.

c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành *chức năng đối nội* và *chức năng đối ngoại*.

- Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành *chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội*,..

- Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành *chức năng giai cấp* (trấn áp) và *chức năng xã hội* (tổ chức và xây dựng).

4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chỉ trong xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình, tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động quản lý của nhà nước, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước. Với những

tính ưu việt của mình, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ quan trọng để thực hiện nền dân chủ mới
- dân chủ xã hội chủ nghĩa:

- + Nhà nước thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân.

- + Thông qua hoạt động quản lý của nhà nước, các nguồn lực xã hội được tập hợp, tổ chức và phát huy hướng đến lợi ích của nhân dân.

- + Nó cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân; là thiết chế tổ chức có hiệu quả việc xây dựng xã hội mới; là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện...

4.3. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Sự ra đời và phát triển của dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ra đời từ chế độ dân chủ nhân dân, sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và từng bước phát triển hoàn thiện, phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp:

- + Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra.

+ Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức đó thể hiện ở các quyền được thông tin về hoạt động của nhà nước, được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư; được bàn đến những quyết định về dân chủ cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ Trung ương cho đến cơ sở.

Việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt nam diễn ra trong điều kiện có cả những thuận lợi và cả những khó khăn, thách thức.

4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Nhà nước pháp quyền được hiểu là *nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những nội dung khái quát liên quan đến nhà nước pháp quyền:

- Đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp và pháp luật;
- Đề cao quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, đảm bảo quyền con người;
- Tổ chức bộ máy vừa đảm bảo tập trung, thống nhất, vừa có sự phân công giữa các nhánh quyền lực, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền nhằm đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, tránh lạm quyền.
- Nhà nước có mối quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân.
- Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

b. Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- Được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được giám sát bởi nhân dân.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển.

- Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước: tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ba là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Bốn là, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy nêu khái niệm và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?
2. Hãy nêu và phân tích về sự ra đời bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa?

3. Hãy phân tích những định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

4. Hãy nêu những định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

5. Hãy liên hệ trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Vì sao nói: dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử?

2. Phân tích những thuận lợi và khó khăn trong việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

3. Liên hệ trách nhiệm công dân của một sinh viên để phát huy quyền dân chủ?

4. Vì sao nhà nước xã hội chủ nghĩa được Lênin gọi là nhà nước “nửa nhà nước” hay nhà nước “không còn nguyên nghĩa”?

Chương 5

CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nội dung c

xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó, thấy được tầm quan trọng, sự cần thiết phải góp sức tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.1. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

a. *Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp*

Do cách tiếp cận khác nhau nên có nhiều quan điểm, khái niệm khác nhau về cơ cấu xã hội. Từ góc độ Chủ nghĩa xã hội khoa học, *cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.*

Cơ cấu xã hội có nhiều loại, như: cơ cấu xã hội - dân cư, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo...

Cơ cấu xã hội – dân cư được biểu hiện ở mức sinh, mức tử, biến động dân số cơ học, tự nhiên, di dân, đô thị hóa, tỉ lệ giới tính, cơ cấu độ tuổi, cơ cấu thế hệ.

Cơ cấu xã hội – nghề nghiệp là tập hợp những cộng đồng người hình thành và phát triển theo các nghề nghiệp khác nhau do phân công lao động xã hội qui định.

Cơ cấu xã hội – dân tộc là tập hợp cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và tương đối ổn định, gắn kết chặt chẽ với nhau về kinh tế, lãnh thổ, văn hóa, ngôn ngữ

Cơ cấu xã hội - tôn giáo là tập hợp cộng đồng người có cùng một đức tin tôn giáo dựa trên nền tảng giáo lí, giáo luật và thực hành lễ nghi tôn giáo.

Dưới góc độ chính trị - xã hội, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung nghiên cứu cơ cấu xã hội - giai cấp vì đó là một trong những cơ sở để nghiên cứu vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong một chế độ xã hội nhất định.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội...giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Yếu tố quyết định mối quan hệ đó là họ cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các giai cấp, tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ... Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có những vị trí và vai trò xác định song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân cùng hợp lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mới thay thế hình thái kinh tế - xã hội cũ đã lỗi thời.

b. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

Trong hệ thống xã hội, mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có vị trí, vai trò xác định và giữa chúng có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Song vị trí, vai trò của các loại cơ cấu xã hội không ngang nhau, trong đó, cơ cấu xã hội - giai cấp có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì những lý do cơ bản sau:

Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý tổ chức lao động, vấn đề phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định. Các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được những mối quan hệ quan trọng và quyết định này.

Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Những đặc trưng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi hoạt động xã hội và mọi thành viên trong xã hội, qua đó thấy rõ thực trạng, qui mô, vai trò, sứ mệnh và tương lai của các giai cấp, tầng lớp trong sự biến đổi cơ cấu xã hội và phát triển xã hội. Vì vậy, cơ cấu xã hội - giai cấp là

căn cứ cơ bản để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Khi xã hội còn giai cấp thống trị và giai cấp bị trị thì hai giai cấp này luôn diễn ra cuộc đấu tranh trong suốt lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội có giai cấp.

Trog thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội – giai cấp gồm các giai cấp, tầng lớp xã hội có mối quan hệ đặc thù là liên minh với nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản để cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Mặc dù cơ cấu xã hội - giai cấp giữ vị trí quan trọng song không vì thế mà tuyệt đối hóa nó, xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác, từ đó có thể dẫn đến tùy tiện, muốn xóa bỏ nhanh chóng các giai cấp, tầng lớp xã hội một cách giản đơn theo ý muốn chủ quan.

5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính qui luật sau đây:

Một là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, ở một hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội - giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu ngành nghề, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế, cơ chế kinh tế....Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy...”¹.

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân cùng toàn thể các giai cấp, tầng lớp xã hội, các nhóm xã hội bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ mới, cơ cấu kinh tế - tất yếu có những biến đổi và những thay đổi đó cũng tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr 11.

tuy vận động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế sẽ có những biến đổi đa dạng: từ một cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp còn ở trình độ sơ khai chuyển sang cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp; chuyển từ cơ cấu vùng lãnh thổ còn chưa định hình sang hình thành các vùng, các trung tâm kinh tế lớn; chuyển từ cơ cấu lực lượng sản xuất hiện đại nhưng không cân đối, trình độ công nghệ nhìn chung còn lạc hậu hoặc trung bình chuyển sang phát triển lực lượng sản xuất với trình độ công nghệ cao, tiên tiến theo xu hướng ứng dụng những thành quả của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của kinh tế tri thức, kinh tế số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư..., từ đó hình thành những cơ cấu kinh tế mới hiện đại hơn, với trình độ xã hội hóa cao và đồng bộ hài hòa hơn giữa các vùng, các khu vực, giữa nông thôn và thành thị, đô thị... Quá trình biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó tất yếu dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể cũng như những biến đổi trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội, nhóm xã hội. Từ đó, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội cũng thay đổi theo. Mặt khác, nền kinh tế thị trường phát triển mạnh với tính cạnh tranh cao, cộng với xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng khiến cho các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản trong thời kỳ này trở nên năng động, có khả năng thích ứng nhanh, chủ động sáng tạo trong lao động sản xuất để tạo ra những sản phẩm có giá trị, hiệu quả cao và chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường trong bối cảnh mới.

Xu hướng biến đổi này diễn ra rất khác nhau ở mỗi quốc gia khi bắt đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do bị qui định bởi những khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, về hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

Hai là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa đã được “thai nghén” - từ trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa, do vậy ở giai đoạn đầu của nó vẫn còn những “dấu vết của xã hội cũ” được phản ánh “về mọi phương diện -

kinh tế, đạo đức, tinh thần”¹. Bên cạnh những dấu vết của xã hội cũ, xuất hiện những yếu tố của xã hội mới do giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp trong xã hội bắt tay vào tổ chức xây dựng, do vậy tất yếu sẽ diễn ra sự tồn tại “đan xen” giữa những yếu tố cũ và yếu tố mới. Đây là vấn đề mang tính qui luật và được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Về mặt kinh tế, đó là còn tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần. Chính cái kết cấu kinh tế đa dạng, phức tạp này dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu xã hội - giai cấp mà biểu hiện của nó là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản (tuy đã bị đánh bại nhưng vẫn còn sức mạnh - V.I.Lênin) đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội...

Ba là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Mức độ liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Tính đa dạng và tính độc lập tương đối của các giai cấp, tầng lớp sẽ diễn ra việc hòa nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội và có xu hướng tiến tới từng bước xóa bỏ dần tình trạng bóc lột giai cấp trong xã hội, vươn tới những giá trị công bằng, bình đẳng. Đây là một quá trình lâu dài thông qua những cải biến cách mạng toàn diện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là xu hướng tất yếu và là biện chứng của sự vận động, phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Vai trò chủ đạo của

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.19, tr 33.

giai cấp công nhân còn được thể hiện ở sự phát triển mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội, từ đó tạo nên sự thống nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cơ cấu xã hội luôn vận động biến đổi, do vậy, nó cần được nghiên cứu điều tra cơ bản ở trạng thái tĩnh và trạng thái động để kịp thời nhận diện những đặc điểm, thực trạng vận động, biến đổi của nó, đồng thời phát hiện ra những vấn đề cần giải quyết về mặt cơ chế, chính sách bởi đây là căn cứ quan trọng để trên cơ sở đó xây dựng chiến lược phát triển và chính sách cho phù hợp.

5.2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở Châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành một “bài ai điều”¹.

5.2.1. Xét từ góc độ chính trị - xã hội

Trong một chế độ xã hội nhất định, chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện những nhu cầu và lợi ích chung - đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr 762.

mạng xã hội chủ nghĩa cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng chế độ xã hội mới.

Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao, bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin cũng khẳng định liên minh công nông là vấn đề mang tính nguyên tắc để đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917. V.I.Lênin chỉ rõ: “Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó... Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước”¹.

Trên thực tế, trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin đã chủ trương mở rộng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp xã hội khác, ông xem đây là một hình thức *liên minh đặc biệt* không chỉ trong giai đoạn giành chính quyền, mà phải được đảm bảo trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin chỉ rõ: “Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v...), hoặc với phần lớn những tầng lớp đó, liên minh nhằm chống lại tư bản, liên minh nhằm lật đổ hoàn toàn tư bản, tiêu diệt hoàn toàn sự chống cự của giai cấp tư sản và những mưu toan khôi phục của giai cấp ấy, nhằm thiết lập và củng cố vĩnh viễn chủ nghĩa xã hội”².

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những xây dựng được cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 44, tr 57.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 38, tr 452.

khối liên minh, V.I.Lênin viết: “Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được”¹.

5.2.2. Xét từ góc độ kinh tế

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - tức là cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, cùng với tất yếu chính trị - xã hội, tính tất yếu kinh tế của liên minh lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Liên minh này được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ..., xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp xã hội khác.

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ... tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình. Song quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân và trí thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp: bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến sự đoàn kết, thống nhất của khối liên minh. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân.

Như vậy, *liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện*

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.40, tr 218.

nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Quá trình thực hiện liên minh giai cấp cần chú ý đảm bảo một số nguyên tắc sau:

- Kết hợp đúng đắn lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh;
- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với khối liên minh;
- Đảm bảo nguyên tắc tự nguyện khi thực hiện liên minh.

5.3. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi thực dân đế quốc và thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật *phổ biến*, vừa mang tính *đặc thù* của xã hội Việt Nam.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cơ cấu xã hội - giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng qui luật: đó là sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Từ Đại hội VI (1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam chuyển mạnh sang cơ chế thị trường phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế đã dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng thay thế cho cơ cấu xã hội đơn giản gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức của thời kỳ trước đổi mới. Sự biến đổi phức tạp, đa dạng của cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội; thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, đồng thời xuất hiện những tầng lớp xã hội mới. Chính những biến đổi mới này cũng là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm cho nền kinh tế đất nước phát triển trở nên năng động, đa dạng hơn và *trở* thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định.

Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

Giai cấp công nhân Việt Nam có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức¹.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai cấp công nhân - lực lượng đi đầu của quá trình này sẽ có những biến đổi nhanh cả về số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu. Hiện nay (2021), tổng số lao động làm công hưởng lương trong các loại hình doanh nghiệp ở nước ta có khoảng 24,5 triệu người, trong đó công nhân, lao động trong các doanh nghiệp chiếm khoảng 60%, chiếm tỷ lệ khoảng 14% số dân và 27% lực lượng lao động xã hội². Sự đa dạng của giai cấp công nhân không chỉ phát triển theo thành phần kinh tế mà còn phát triển theo ngành nghề. Bộ phận “công nhân hiện đại”, “công nhân tri thức”, với các thuật ngữ “công nhân cổ cồn”, “công nhân cổ xanh”, “công nhân cổ vàng” sẽ ngày càng lớn mạnh. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân cũng ngày càng được nâng lên nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang có xu hướng phát triển mạnh. Bên cạnh đó, sự phân hóa giàu - nghèo trong nội bộ công nhân cũng ngày càng rõ nét. Một bộ phận công nhân thu nhập thấp, giác ngộ ý thức chính trị giai cấp chưa cao và còn nhiều khó khăn về mọi mặt vẫn tồn tại.

Giai cấp nông dân cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.65, tr 214.

² <http://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/vi/tin-chi-tiet-giai-cap-cong-nhan-viet-nam-ngay-cang-lon-manh-106e7f5d.aspx>

công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp...

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp nông dân cũng có sự biến đổi, đa dạng về cơ cấu giai cấp; có xu hướng giảm dần về số lượng và tỷ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Một bộ phận nông dân chuyển sang lao động trong các khu công nghiệp, hoặc dịch vụ có tính chất công nghiệp và trở thành công nhân. Trong giai cấp nông dân xuất hiện những chủ trang trại lớn, đồng thời vẫn còn những nông dân mất ruộng đất, nông dân đi làm thuê...và sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ nông dân cũng ngày càng rõ.

Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị¹.

Hiện nay, cùng với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện khoa học - công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ thì vai trò của đội ngũ trí thức càng trở nên quan trọng.

Đội ngũ doanh nhân. Hiện nay ở Việt Nam, đội ngũ doanh nhân đang phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong đội ngũ doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế...². Đại hội XIII yêu cầu: “phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng, chất lượng, có tinh thần

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.69, tr 896.

² Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 21/10/2013 của Bộ chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hóa, đạo đức tiên bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi”¹

Tóm lại, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các giai cấp, tầng lớp xã hội biến đổi liên tục trong nội tại mỗi giai cấp, tầng lớp, hoặc xuất hiện thêm các nhóm xã hội mới. Trong quá trình này, cần phải có những giải pháp sát thực, đồng bộ và tác động tích cực để các giai cấp, tầng lớp có thể khẳng định vị trí xứng đáng và phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của mình trong cơ cấu xã hội và trong sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được hình thành từ rất sớm ở nước ta và được khẳng định qua các kỳ Đại hội của Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo”².

a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản của liên minh.

- Nội dung kinh tế của liên minh

Đây là nội dung cơ bản ***quyết định nhất***, là cơ sở vật chất - kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin chỉ rõ nội dung cơ bản nhất của thời kỳ này là: chính trị đã chuyển trọng tâm sang *chính trị trong lĩnh vực kinh tế*, đấu tranh giai cấp mang những nội dung và hình thức mới. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu,

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 20121, t.167-168.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.158.

lợi ích kinh tế thiết thân của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân... để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại. Nhiệm vụ và cũng là nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: “Phát triển kinh tế nhanh và bền vững;... giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, các lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...”¹

Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất...), từ đó, các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng.

Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ...; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế... để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.77.

dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

- *Nội dung chính trị của liên minh*

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, phải “hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội...”¹, “Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng...”².

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.79,80.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.124.

độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và phản động.

- *Nội dung văn hóa xã hội của liên minh*

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xoá đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh giai cấp, tầng lớp phát triển bền vững.

b. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Bởi vì chỉ có một nền kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại mới có khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển xã hội một cách thường xuyên và bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.126.

gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường, điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ hơn.

Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường là cơ sở và điều kiện thuận lợi cho những biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Quan tâm thích đáng và phù hợp với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là với tầng lớp yếu thế của xã hội. Tạo ra cơ hội công bằng cho mọi thành phần xã hội để tiếp cận đến sự phát triển về sở hữu tư liệu sản xuất, về giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội...

Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Các chính sách này không chỉ liên quan đến từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội, mà còn chú ý giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau để hướng tới đảm bảo công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách phát triển và sự phân hóa giàu nghèo giữa các giai cấp, tầng lớp, hoặc trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cụ thể:

Đối với giai cấp công nhân, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

Đối với giai cấp nông dân, xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung

ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin..., cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả và bền vững công cuộc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

Đối với đội ngũ trí thức, xây dựng đội ngũ ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng; trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài xây dựng đất nước.

Đối với đội ngũ doanh nhân, tạo cơ chế, môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao, có cơ chế, chính sách đảm bảo quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Đối với phụ nữ, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ phát triển toàn diện, phát triển tài năng, thực hiện tốt vai trò của mình. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào cấp ủy và bộ máy quản lý các cấp. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ¹.

Đối với thế hệ trẻ, đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc².

Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.163.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.162-163.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bốn là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực là phương thức căn bản và quan trọng để thực hiện và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay.

Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thống nhất. Để thực hiện tốt giải pháp này, vai trò của đội ngũ trí thức, của đội ngũ doanh nhân là rất quan trọng.

Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả, xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với việc tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội Nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân... Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy phân tích rõ cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ ở Việt Nam?
2. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp? Hãy phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam?
3. Hãy phân tích nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay?
4. Hãy làm rõ trách nhiệm của sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Vai trò của giai cấp công nhân trong liên minh giai cấp ở Việt Nam hiện nay?
2. Yếu tố nào quy định sự đa dạng và phức tạp của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
3. Tại sao nói liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác là một liên minh đặc biệt ?
4. Vấn đề liên minh Công – Nông – Trí thức ở Việt Nam hiện nay. Vai trò của đội ngũ trí thức trong liên minh này như thế nào, đặc biệt trước bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0?

Chương 6

VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nội dung chương 6 giúp Sinh viên nắm được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc và tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với sự nghiệp cách mạng của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, từ đó thấy rõ tính khoa học trong quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, của Đảng cộng sản Việt Nam; từ đó xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo của đảng, Nhà nước.

6.1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

* *Khái niệm dân tộc*: Dân tộc là một hình thức cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước dưới sự quản lý của Nhà nước.

- *Theo nghĩa hẹp*: Chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế riêng, có ngôn ngữ riêng, văn hoá có những đặc thù.

- *Theo nghĩa rộng*: Chỉ cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình.

- *Lịch sử hình thành dân tộc*:

+ *Phương Tây*: Dân tộc xuất hiện gắn liền với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

+ *Phương Đông*: Dân tộc được hình thành trên cơ sở một nền văn hóa, một tâm lý dân tộc đã phát triển tương đối chín muồi và một cộng đồng kinh tế còn kém phát triển và ở trạng thái phân tán.

* *Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản*

- *Thứ nhất*: Dân tộc (nation) hay quốc gia dân tộc là cộng đồng chính trị - xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây:

+ *Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế.*

- + Có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt.
- + Có sự quản lý của một nhà nước.
- + Có ngôn ngữ chung của quốc gia
- + Có nét tâm lý biểu hiện qua nền văn hóa dân tộc.

Thứ hai: Dân tộc - tộc người (ethnies).

Theo nghĩa này, dân tộc là cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và có ba đặc trưng cơ bản sau:

- + Cộng đồng về ngôn ngữ.
- + Cộng đồng về văn hóa.
- + Ý thức tự giác tộc người.

Ba tiêu chí này tạo nên sự ổn định trong mỗi tộc người trong quá trình phát triển. Đồng thời căn cứ vào ba tiêu chí này để xem xét và phân định các tộc người ở Việt Nam hiện nay.

6.1.2. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc

a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

- *Xu hướng thứ nhất*, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.

+ Thời gian: trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản.

+ Nguyên nhân: do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập.

+ Xu hướng này được thể hiện trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

- *Xu hướng thứ hai*, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

+ Thời gian: nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa.

+ Nguyên nhân: Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Ngày nay, xu hướng xích lại gần nhau thể hiện ở sự liên minh của các dân tộc trên cơ sở lợi ích chung về kinh tế, về chính trị, văn hóa, quân sự....

b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

- *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*

+ Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội;

+ Xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc.

+ Phải được thực hiện trên cơ sở pháp lý.

+ Ý nghĩa: Là quyền cơ bản, thiêng liêng, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và liên hiệp công nhân các dân tộc.

- *Các dân tộc được quyền tự quyết*

+ Là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

+ Quyền tự quyết bao gồm quyền: quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp lại với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

+ Ý nghĩa: Đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động.

- *Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc*

+ Phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

+ Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc lại vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

+ Ý nghĩa: là nội dung chủ yếu và giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung trong Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

6.1.3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

a. Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc người có những đặc điểm nổi bật sau đây:

- Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.

- Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.

- Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.

- Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.

- Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.

- Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

**** Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc***

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài và cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội...

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

**** Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam***

- Về chính trị

Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Về kinh tế

+ Các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc;

+ Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.

- *Về văn hóa*

+ Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc.

+ Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc.

+ Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, chống “*diễn biến hòa bình*” trên mặt trận tư tưởng - văn hóa ở nước ta hiện nay.

- *Về xã hội*

+ Thực hiện chính sách, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù của mỗi vùng, mỗi dân tộc.

+ Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- *Về an ninh quốc phòng*

+ Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

+ Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn.

+ Tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

6.2. TÔN GIÁO TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo

a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

** Bản chất của tôn giáo*

- Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên trở thành siêu tự nhiên, thần bí...

- Ở một cách tiếp cận khác, tôn giáo là một thực thể xã hội – các tôn giáo cụ thể (ví dụ: Công Giáo, Tin lành, Phật giáo...) với các tiêu chí cơ bản sau; có niềm tin sâu sắc vào đáng siêu nhiên, đáng tối cao, thần linh để tôn thờ (niềm tin tôn giáo) có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự, có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo (người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp) có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

- *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra.* con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của Họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hóa và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

- *Về phương diện thế giới quan*, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Mặc dù có sự khác biệt về thế giới quan nhưng những người cộng sản với lập trường mác xít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; ngược lại luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của nhân dân. Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng mơ ước và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

- Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định. Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau như: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc, tín ngưỡng thờ Mẫu...

- Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá

mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

** Nguồn gốc của tôn giáo*

- *Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội*: Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí.

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức, bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức bóc lột, bất công, tội ác,...lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội nên con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên.

- *Nguồn gốc nhận thức*: Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa biết và chưa biết vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hóa, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

- *Nguồn gốc tâm lý*: Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn ví dụ như ma chay, cưới xin, làm nhà, khởi đầu sự nghiệp kinh doanh...con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hùng dân tộc, thờ các thành hoàng làng...)

** Về tính chất của tôn giáo*

- *Tính lịch sử của tôn giáo*: Tôn giáo hình thành, tồn tại và phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định, nó có khả năng biến đổi để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận

thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người.

- *Tính quần chúng của tôn giáo*: Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục; có số lượng tín đồ rất đông đảo; là nơi sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp nhau nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động, tin theo.

- *Tính chính trị của tôn giáo*: Tôn giáo phản ánh mối quan hệ giữa các giai cấp. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, giai cấp thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình.

b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo:

+ Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng, với lợi ích của nhân dân lao động.

+ Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo: Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Vì vậy cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét,

đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo.
- Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo.
- Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.
- Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.
- Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.
- Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực thực dân, đế quốc, phản động lợi dụng.

b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta
- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc: Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo. Đồng thời nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng: nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

- Vấn đề theo đạo và truyền đạo: Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo.

6.3. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia dân tộc thống nhất. Trong lịch sử cũng như hiện tại, các tôn giáo ở Việt Nam có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc, gắn đạo với đời. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo nhìn chung đều đoàn kết ý thức rõ về cội nguồn, về một quốc gia – dân tộc thống nhất cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống: tín ngưỡng truyền thống đã làm nên nét đặc thù trong quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, thậm chí, nó còn chi phối mạnh mẽ làm biến đổi các nền văn hóa, hay các tôn giáo bên ngoài khi du nhập vào Việt Nam. Việt Nam là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa trên thế giới và phần lớn các tôn giáo đều là tôn giáo ngoại sinh. Các nền văn hóa hay các tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào muốn “cắm rễ” vào dân tộc và phát triển được trên lãnh thổ Việt Nam đều phải biến đổi ít nhiều để phù hợp với truyền thống dân tộc, với nền tảng văn hóa bản địa, trong đó có sự chi phối của tín ngưỡng truyền thống, nhất là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh mẽ làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc: hiện tượng tôn giáo mới phát triển mạnh hiện nay cần phải được quản lý tốt nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia và đảm bảo giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

- Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện “*diễn biến hòa bình*” nhất là tập trung ở 4 khu vực trọng điểm; Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung.

6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần có cách tiếp cận và lựa chọn ưu tiên giải quyết phù hợp với bối cảnh, tình hình của giai đoạn đó, đồng thời phải luôn nhận diện đầy đủ và giải quyết một cách hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong mối quan hệ dân tộc và tôn giáo.

- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần phải tuân thủ nguyên tắc: giải quyết vấn đề tôn giáo trên cơ sở vấn đề dân tộc, tuyệt đối không được làm tổn hại đến lợi ích quốc gia – dân tộc, mà phải đảm bảo giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất đất nước. Tập hợp đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số; đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

Tóm lại: nhận diện rõ những đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay để một mặt tiếp tục phát huy hiệu quả và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo tạo sự đồng thuận, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh. Mặt khác, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn mọi tác động tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống mọi hành động lợi dụng quan hệ dân tộc và tôn giáo gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất ổn định chính trị và phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy nêu và phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

2. Hãy trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

3. Hãy phân tích, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

4. Hãy trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

5. Hãy phân tích mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cần làm gì để thực hiện nhiệm vụ đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo ?

2. Vì sao trong thời đại hiện nay, với sự phát triển như vũ bão của tri thức, khoa học mà các tín ngưỡng tôn giáo vẫn có xu hướng phát triển?

3. Việt Nam có quan điểm như thế nào về vấn đề quan hệ dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ?

Chương 7

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nội dung chương 7 giúp sinh viên nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay, từ đó hình thành thái độ và hành vi đúng đắn trong nhận thức và có trách nhiệm xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội.

7.1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH

7.1.1. Khái niệm gia đình

- *Khái niệm:*

Theo chủ nghĩa Mác – Lênin: “Hàng ngày tái tạo ra đời sống bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, đó là gia đình”¹

Theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam: “Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc theo quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo qui định của Luật này”²

Tóm lại, *Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành và duy trì củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

- *Cơ sở hình thành gia đình:* quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) và quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng, giáo dục giữa các thành viên trong gia đình.

Các quan hệ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và biến đổi, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị - xã hội.

7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

a. *Gia đình là tế bào của xã hội*

+ Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Gia đình tham gia vào cả hai quá trình: sản xuất ra tư liệu sinh hoạt và sản xuất bản thân con người.

¹ C.Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 3, tr41.

² Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Luật Hôn nhân và Gia đình, 2014, khoản 2, Điều 3, chương I.

+ Gia đình là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Gia đình tốt thì xã hội tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình lành mạnh.

+ Điều kiện kinh tế - xã hội quyết định quy mô, kết cấu, hình thức, tính chất của gia đình. Gia đình cũng có tác động trở lại đối với xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, xã hội tốt thì gia đình mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”¹

b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên

+ Suốt cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Đây là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển cả về thể chất và tinh thần.

+ Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội.

c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

+ Trước khi là con người xã hội, mỗi con người đều là thành viên của gia đình, sinh ra từ gia đình, được nuôi dưỡng, giáo dục từ gia đình. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân, nơi đầu tiên để mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

+ Thông tin về xã hội tác động đến con người thông qua gia đình. Các chính sách xã hội tác động đến cá nhân, muốn cá nhân thực hiện lại phải thông qua hoạt động tổ chức đời sống trong gia đình và của xã hội.

7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình

a. Chức năng tái sản xuất ra con người.

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế, chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr300.

Việc thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, vì vậy, tùy theo từng nơi, từng thời điểm, nhu cầu xã hội mà chức năng này thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích.

b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

Gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

+ Nội dung của giáo dục gia đình; tri thức, kinh nghiệm, đạo đức, lối sống, nhân cách, thẩm mỹ, ý thức công dân,...

+ Giáo dục gia đình diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc, đặc biệt thể hiện qua tấm gương sống của ông bà, cha mẹ, anh chị,...

+ Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội trong việc hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống, góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, cung cấp nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của xã hội.

+ Giáo dục của gia đình không thể tách rời giáo dục của xã hội. Do vậy, cần tránh khuynh hướng coi trọng giáo dục gia đình mà hạ thấp giáo dục xã hội hoặc ngược lại.

+ Thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

+ Chức năng kinh tế: gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tiêu dùng; là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.

+ Chức năng tổ chức tiêu dùng: tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như sinh hoạt gia đình; sử dụng hợp lý các khoản thu nhập, quỹ thời gian nhằm đáp ứng yêu cầu các thành viên về vật chất và tinh thần.

+ Tùy theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng kinh tế của gia đình có sự khác nhau, về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phối.

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

+ Chức năng này bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho

các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Những vấn đề về giới tính, giới, tâm lý lứa tuổi, thể hệ,... cần được giải quyết trong môi trường gia đình hòa thuận.

+ Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người.

+ Gia đình là chỗ dựa tình cảm, tinh thần và vật chất của con người, có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi các quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ bị phá vỡ.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị,... Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu truyền các giá trị văn hóa của dân tộc; cũng là nơi sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa của xã hội. Với chức năng chính trị, gia đình là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và qui chế đó.

7.2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

Xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải có nền tảng là lực lượng sản xuất phát triển dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Muốn vậy, phải xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất để:

- Xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ.

- Tạo cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp và xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình, là cơ sở kinh tế để thực hiện giải phóng phụ nữ.

- Tạo cơ sở cho hôn nhân tự nguyện và tiến bộ, dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

- Lực lượng sản xuất phát triển, tạo cơ sở kinh tế cho việc nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình, có điều kiện tăng cường phúc lợi tập thể và xã hội.

7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

- Thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động,

xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đề nâng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

- Ban hành hệ thống pháp luật, thủ tiêu đặc quyền, đặc lợi của giai cấp thống trị cũ; ban hành luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng, Chống bạo lực gia đình – cơ sở pháp lý để xây dựng gia đình mới.

- Xây dựng hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới.

7.2.3. Cơ sở văn hóa

- Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, tạo cơ sở để xây dựng gia đình tiến bộ, bình đẳng.

- Xây dựng nền tảng văn hóa tinh thần mới xã hội chủ nghĩa, là cơ sở cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới về tình yêu, hôn nhân, đạo đức, phong tục, tập quán, nền nếp sinh hoạt gia đình,...

7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

- *Hôn nhân tự nguyện* xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Khi nào hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì khi đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

- + Hôn nhân xuất phát từ tình yêu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đó là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ, nhưng cũng không bác bỏ sự quan tâm của cha mẹ tổng việc hướng dẫn và giúp đỡ con có nhận thức và trách nhiệm trong việc kết hôn.

- + Hôn nhân tiến bộ bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Tuy nhiên hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc li hôn, vì li hôn sẽ để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ và chồng, đặc biệt là con cái.

- *Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*

- + Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

- + Trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ.

+ Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.

+ Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau.

- *Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý*

+ Khi hai người đi đến kết hôn, phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân.

+ Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn việc lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thoả mãn những nhu cầu không chính đáng.

+ Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

7.3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Sự biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình

+ Gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến thay thế cho kiểu gia đình truyền thống.

+ Quy mô gia đình có xu hướng thu nhỏ hơn, thường chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có gia đình đơn thân.

+ Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn.

+ Mặt khác, sự thay đổi đó tạo ra sự ngăn cách giữa các thành viên trong gia đình, ngăn cản việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình, khiến mối quan hệ gia đình dễ trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

b. Sự biến đổi các chức năng của gia đình

+ *Chức năng tái sản xuất ra con người*

Các gia đình chủ động, tự giác hơn khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con; nhu cầu về con cái cũng có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng.

+ *Biến đổi chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng*

Kinh tế hộ gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự biến đổi đó, vừa tạo thuận lợi, vừa có những khó khăn, thách thức cho gia đình.

Gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội.

+ *Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa).*

Ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình.

Sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà còn hướng đến kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

Sự quan tâm chưa thỏa đáng của các chủ thể giáo dục dẫn đến hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, mắc tệ nạn xã hội. Điều đó thể hiện sự bất lực của xã hội và sự bế tắc của một số gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ *Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm.*

Nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc trong số các hộ gia đình, xuất hiện nhiều mâu thuẫn về lợi ích giữa các thế hệ, giữa cha mẹ và con cái, giữa lợi ích gia đình và xã hội.

c. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình

Các gia đình hiện đối mặt với nhiều vấn đề: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn; bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục.

Các giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn

đồng tính, sinh con ngoài giá thú... Những khó khăn trong hôn nhân do sức ép từ cuộc sống hiện đại.

Hình thành yêu cầu mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

Về quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình: Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường; người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn, thiếu thốn về tình cảm.

Thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, các vấn đề: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử... Ngoài ra, các tệ nạn như trẻ em lang thang, nghiện hút, buôn bán phụ nữ qua biên giới... cũng đang đe dọa sự ổn định, lành mạnh của gia đình.

7.3.2. Những yếu tố đang tác động đến gia đình Việt Nam hiện nay.

- Tác động của các yếu tố truyền thống

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiều phong tục, tâm lí, lối sống của xã hội của xã hội cũ vẫn còn in đậm trong các gia đình và trong xã hội. Những truyền thống đó có mặt tích cực, song cũng còn nhiều hạn chế và tác động tiêu cực đến sự phát triển của mỗi gia đình và toàn xã hội, như: gia trưởng, thiếu dân chủ, quan hệ dòng họ chi phối đến gia đình...

- Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

+ Tác động tích cực của các yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi để con gia đình Việt Nam tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới, qua đó gia đình có nhiều biến đổi theo hướng năng động, tự do hơn;

+ Xét dưới góc độ văn hóa, nhiều giá trị, kể cả giá trị truyền thống, không còn bị khép kín trong biên giới quốc gia dân tộc, mà có điều kiện mở rộng gia lưu, đòi hỏi gia đình Việt Nam hình thành những giá trị mới cho phù hợp với bối cảnh mới.

+ Mặt trái của toàn cầu hóa, công nghiệp hóa, đô thị hóa, kinh tế thị trường... cũng đang làm nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực như: Tuyệt đối hóa chức năng kinh tế, xem nhẹ các chức năng khác của gia đình; nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em, xuất hiện hôn nhân xuyên biên giới dưới hình thức biên tương (kết hôn với người nước ngoài, xuất khẩu lao động, du lịch); mất cân bằng giới tính; giới trẻ ngại kết hôn và sinh con; xu hướng độc thân và sống thử đang gia tăng

- *Tác động của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ số*

+ Khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số, một mặt tạo ra những cơ hội tiếp thu những tri thức mới cho gia đình trong việc thực hiện các chức năng của mình;

+ Mặt khác, nó đang đặt ra những thách thức rất lớn với mỗi gia đình, nhất là công tác quản lí, kiểm soát các luồng thông tin trái chiều, độc hại trên không gian mạng. Mỗi quan hệ gia đình trở nên lỏng lẻo khi phần lớn thời gian các thành viên trong gia đình làm việc, giải trí, giao tiếp bằng công nghệ, trong thế giới ảo. Sự lạm dụng công nghệ vào việc thực hiện chức năng sinh sản, lựa chọn giới tính khi sinh gia tăng.

7.3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng gia đình và phát triển gia đình Việt Nam.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình.

- Kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

- Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy phân tích vị trí, chức năng của gia đình?

2. Hãy trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

3. Hãy trình bày những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

4. Hãy trình bày những phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên XHCN?

VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Vấn đề bình đẳng gia đình được hiểu như thế nào?

2. Vì sao nói: Gia đình là tế bào của xã hội?

3. Công nghệ số đã và đang tác động như thế nào đến gia đình Việt Nam hiện nay?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018;
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*; NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021;
3. *Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 25 - NQ/TU, ngày 12/3/2003 của BCH TƯ (khóa IX) *Về công tác tôn giáo*, NXB CTQG, Hà Nội 2003;
8. Hoàng Chí Bảo, Thái Ninh (1991), *Dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội;
9. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, “Chương trình cao cấp lý luận chính trị”*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội;
10. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*; Nxb CTQG, Hà Nội;
11. Lê Ngọc Văn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.
12. Nguyễn Minh Đoan (2011), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
13. Phạm Điềm, Vũ Thị Nga (2012), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
14. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viêt Thông (Đồng chủ biên), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, từ tr.422-467;

15. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2010), *Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội;

16. Trần Ngọc Đường (2011), *Một số vấn đề về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.